

Phụ lục II

DANH SÁCH CÔNG DÂN MIỄN GỌI NHẬP NGŨ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
1	Nguyễn Mậu Sơn 09.02.2008	Trường THPT TQD	7. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Mậu Đông	Sinh viên
				Phụ thuộc		Phan Thị Hoài Phương	
				Kinh, không			
2	Ngô Trọng Bằng 08.12.2006	ĐH Bách Khoa Hà Nội	4. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông	12/12	Ngô Quang Công	Sinh viên
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Vi	
3	Nguyễn Thành Danh 22.02.2006	ĐH SPKT TP HCM	5. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Thành Nam	Sinh viên
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Sa	
4	Ngô Tường 15.12.2006	CĐ VN-HQ QUẢNG NGÃI	5. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông	12/12	Ngô Đoàn	Sinh viên
				Phụ thuộc		Đoàn Thị Dung	
5	Nguyễn Văn Trường Vũ 03.01.2006	ĐH kiến trúc	1. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Văn Thắng	Sinh viên
				Phụ thuộc		Hồ Thị Nguyệt	
6	Nguyễn Trần Thanh Bảo 06.12.2006	CĐ Việt Nam Hàn Quốc	4. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Thanh Trung	Sinh viên
				Phụ thuộc		23.9.1981	
				Kinh, không		Trần Thị Bích Lệ	
7	Nguyễn Minh Dương 04.12.2006	ĐH GTVT	5. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông	12/12	8.11.1986	Sinh viên
				Phụ thuộc		Nguyễn Văn Ba	
				Kinh, không		2.12.1976	
8	Nguyễn Mậu Hoàng Long 20.10.2006	ĐH Công Thương	7. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông	12/12	Lê Thị Mỹ Lưu	Sinh viên
				Phụ thuộc		10.8.1982	
				Kinh, không		Nguyễn Mậu Sa	
9	Nguyễn Mậu Nhật Duy 13.7.2005	ĐH Quốc Gia	7. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông	12/12	353627652	Sinh viên
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Tám	
				Kinh, không		Nguyễn Mậu Pha	
10	Ngô Quang Liêm 6.9.2005	ĐH SÀI GÒN	4. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông	12/12	5.5.1974	Sinh viên
				Phụ thuộc		Trần Thị Lê	
				Kinh, không		28.02.1978	
				Nông		Ngô Quang Trang	Sinh viên
				Phụ thuộc		28.3.1980	
				Kinh, không		Lê Thị Hùng	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
11	Ngô Quang Trọng	Đại học BK	5. Tú Sơn 1. Lâm Phong	Nông	12/12	8.2.1986	Sinh viên
	01.12.2005	-ĐH Đà Nẵng		Phụ thuộc Kinh, không		Ngô Quang Ninh	
						12.02.1976	
12	Trần Nguyên Khang	CD CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC	4. Tú Sơn 1. Lâm Phong	Nông	12/12	Lê Thị Sư	Sinh viên
	23.10.2005			Phụ thuộc Kinh, không		13.08.1979	
						Trần Trương Sơn	
13	Bùi Lê Duy Được	ĐK SPKT	5. Tú Sơn 1. Lâm Phong	Nông	12/12	02.03.1973	Sinh viên
	12.12.2005			Phụ thuộc Kinh, không		Phan Thị Hồ Thúy	
						Bùi Văn Đẹp	
14	Nguyễn Tuấn Tài	ĐH CÔNG NGHIỆP HCM	7. Tú Sơn 1. Lâm Phong	Nông	12/12	12.06.1974	Sinh viên
	11.06.2005			Phụ thuộc Kinh, không		Lê Thị Vàng	
						02.06.1975	
15	Nguyễn Đình Hiếu	ĐH NGÂN HÀNG HCM	4. Tú sơn 1. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Anh Tuấn	Sinh viên
	04.10.2004			Phụ thuộc Kinh, không		12.12.1974	
						Trần Thị Thảo	
16	Nguyễn Thanh Dân	ĐH CÔNG NGHIỆP HCM	3. Tú Sơn 1. Lâm Phong	Nông	12/12	10.06.1979	Sinh viên
	8.3.2004			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Đình Căn	
						Lương Thị Như	
17	Nguyễn Hữu Ninh	ĐH Sài Gòn	4.Tú Sơn 1. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Thanh Phong	Sinh viên
	18.12.2003			Phụ thuộc Kinh, không		30.11.1976	
						Nguyễn Thị Lê	
18	Nguyễn Mậu Thành Đạt	ĐH SP HCM	7.Tú Sơn 1. Lâm Phong	Nông	12/12	1979	Sinh viên
	28.04.2003			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Hữu Nin	
						187.8.1981	
19	Đoàn Tân Cúc	CD Du lịch Sài Gòn	13a. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông	12/12	Phạm Thị Thu Hiền	Sinh viên
	21.11.2007			Phụ thuộc Kinh, không		14.6.1984	
						Nguyễn Mậu Dưỡng	
20	Tô Tiêu Phụng	ĐH Phạm Văn Đồng	13a. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông	12/12	04.5.1975	Sinh viên
	27.01.2007			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Kim	
						10.10.1978	
						Đoàn Tân An	Sinh viên
						Lê Thị Chung	
						Lê Văn Thành	
						1975	
						Tô Thị Ngọc Bích	Sinh viên
						1982	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
21	Nguyễn Tiên 03.09.2007	ĐH Đông Á	12. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Rô	Sinh viên
				Phụ thuộc		Phạm Thị Tình	
				Kinh, không		1984	
22	Tô Tiểu Long 27.01.2007	ĐH Phạm Văn Đồng	13a. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông	12/12	Lê Văn Thành	Sinh viên
				Phụ thuộc		1975	
				Kinh, không		Tô Thị Ngọc Bích	
23	Trần Nguyễn Anh Tú 12.02.2007	ĐH ĐÔNG Á	9. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông	12/12	Trần Văn Cường	Sinh viên
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Cẩm Hồng	
				Kinh, không		1982	
24	Nguyễn Văn Dũng 30.05.2007	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP HCM	13a. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Văn Ngọt	Sinh viên
				Phụ thuộc		1977	
				Kinh, không		Đặng Thị Bích Vân	
25	Nguyễn Nhật Huy 15.03.2006	ĐH SPKT	12. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông	12/12	1982	Sinh viên
				Phụ thuộc		Nguyễn Trung Trúc	
				Kinh, không		Phạm Thị Kim Phát	
26	Lê Quốc Pháp 18.12.2006	CĐ ĐẠI VIỆT SG	13b Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông	12/12	Lê Quốc Việt	Sinh viên
				Phụ thuộc		Cao Thị Kim Ngọc	
				Kinh, không		Lê Chiện	
27	Lê Thanh Hiền 14.06.2006	ĐH CN HCM	8. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Thị Sửu	Sinh viên
				Phụ thuộc		Châu Văn Vũ	
				Kinh, không		Nguyễn Thị Thanh Nguyên	
28	Châu Nguyễn Văn Duy 13.10.2006	CĐ FPT ĐN	12. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông	12/12	Phan Văn Quát	Sinh viên
				Phụ thuộc		Châu Thị Dung	
				Kinh, không		Nguyễn Tân Thời	
29	Phan Châu Thiên 18.04.2006	ĐH SPKTHCM	12. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông	12/12	1982	Sinh viên
				Phụ thuộc		Lâm Thị Bạch Tuyết	
				Kinh, không		Phan Tân Dũng	
30	Nguyễn Lâm Gia Huy 27.06.2006	ĐH GTVT	13a. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Thị Kim Vương	Sinh viên
				Phụ thuộc		Trần Văn Đạt	
				Kinh, không		Vô Thị Tâm	
31	Phan Nguyễn Phương Duy 26.09.2006	CĐ GTVT	13a. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông	12/12		Sinh viên
				Phụ thuộc			
				Kinh, không			
32	Trần Quang Ý 18.08.2006	CĐ KT CAO THẮNG	13b. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông	12/12		Sinh viên
				Phụ thuộc			
				Kinh, không			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
33	Phạm Thanh Phong 26.03.2006	Đh Công Thương TP HCM	13b. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Lâm	Sinh viên
34	Trần Chế Đình Nhất 09.09.2006	ĐH NÔNG LÂM HCM	13b. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Tô Thị Anh Thư Trần Đình Chiến	Sinh viên
35	Nguyễn Thanh Tịnh 01.02.2006	ĐH GTVT HCM	12. Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Chế Thị Hoàng Hoanh Nguyễn Thanh	Sinh viên
36	Đoàn Tấn Bảo 18.06.2005	ĐH KTế-KT Bình Dương	10 .Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Đinh Thị Hồng Nhung Đoàn Tấn Thanh Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Sinh viên
37	Nguyễn Thiện Nhân 3.7.2005	Học viện Bưu chính viễn Thông	13a .Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Tấn Sĩ 01.01.1967 Trần Thị Thu Hà 04.8.1978	Sinh viên
38	Trần Nguyên Hùng 04.12.2005	ĐH GTVT	8 .Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Việt Long 7.3.1973 Nguyễn Thị Tuấn 6.7.1976	Sinh viên
39	Nguyễn Hữu Nghĩa 14.7.2005	CĐ CƠ GIỚI	9 .Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Duy Thiện 10.5.1972 Nguyễn Thị Trang 7.2.1972	Sinh viên
40	Trần Văn Mạnh 09.12.2005	ĐH CÔNG NGHIỆP HCM	9.Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Văn Ninh 18.09.1963 Nguyễn Thị Huynh 10.02.1968	Sinh viên
41	Trần Ánh Hoàng Huy 21.07.2005	ĐH VĂN LANG	10.Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Mai 12.12.1976 Nguyễn Thị Lam 20.06.1982	Sinh viên
42	Lê Nguyễn Tuấn Thành 12.10.2005	ĐH CÔNG NGHỆ HCM	12.Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Minh Vương 5.1.1976 Nguyễn Thị Anh Thư 18.12.1980	Sinh viên
43	Lâm Tiến Đạt 17.06.2005	ĐH NHA	13a Tú Sơn 2 Lâm Phong	Nông Phụ thuộc	12/12	Lâm Xuân Liêm 06.02.1973	Sinh viên

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
43		TRANG	13a.Tú Sơn 2. Lâm Phong	Kinh, không	12/12	Huỳnh Thị Kim Nhung 20.11.1984	Sinh viên
44	Nguyễn Mậu Thơ 13.05.2005	CD CÔNG THƯƠNG	13a.Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Mậu Đê 06.03.1970 Đinh Thị Hà 10.03.1975	Sinh viên
45	Trương Hoàng Phúc 16.10.2005	ĐH Duy Tân Học viện Công nghệ thông tin và thiết kế VTC-chi nhánh Đà Nẵng	13b.Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trương Văn Lợi 22.12.1966 Nguyễn Thị Gái 03.6.1966	Sinh viên
46	Trần Văn Thành 10.09.2005	CD Kỹ thuật Cao Thắng CD Lý Tự Trọng	13b.Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Lâm 1.1.1974 Trần Thị Thanh Tiên 19.06.1976	Sinh viên
47	Trần Thái Nguyên 28.12.2005	ĐH SPKT	10.Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Diện 20.06.1974 Nguyễn Thị Phương Nguyễn Tàu	Sinh viên
48	Nguyễn Tấn Thành 14.02.2005	CDKT Cao Thắng	12Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Thị Cảnh 1971 Nguyễn Văn Thanh 2.9.1979	Sinh viên
49	Nguyễn Duy Ngân 23.2.2004	ĐH NN TH HCM	11A.Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Thanh Bình 10.12.1982 Lê Thị Cẩm Hồng	Sinh viên
50	Trần Lê Hữu Khánh 9.11.2004	ĐH CNTT và truyền thông việt hàn ĐN	9.Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Thanh Hải 25.2.1976 Tô Thị Kiều 24.9.1976	Sinh viên
51	Nguyễn Tô Văn Nam 14.12.2004	ĐH CÔNG NGHIỆP HCM 22705711	13b.Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Vinh	Sinh viên
52	Trần Quang Việt 15.05.2003	ĐH SÀI GÒN 3121510074	10.Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc	12/12		Sinh viên

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
53	Lê Phú Quý	ĐH công nghiệp HCM	9.Tủ Sơn 2.	Kinh, không	12/12	Lê Văn Thanh	Sinh viên
	19.7.2003	21020211	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Lê Thị Mơ	
54	Ngô Thanh Hoàng	CĐ KỸ THUẬT CAO THẮNG	20.Thạch Trụ Đông.	Nông	12/12	Ngô Thanh Tâm	Sinh viên
	30.11.2007	308251095	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		15.5.1971 Nguyễn Thị Nghiệp	
						1972	
55	Phạm Quốc Trung	GTVT HCM	21.Thạch Trụ Đông.	Nông	12/12	Phạm Ngọc Thiên	Sinh viên
	28.12.2007	51207000879	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Mỹ Loan	
56	Trần Triệu Vỹ	CĐKT ĐỐI NGOẠI	22.Thạch Trụ Đông.	Nông	12/12	Trần Văn Út	Sinh viên
	09.03.2007	2503255	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		05.5.1970 Lữ Thị Cẩm	
						02.9.1972	
57	Nguyễn Đình Bách	Trường THPT TQD	14 Thạch Trụ Đông.	Nông	12/12	Nguyễn Đình Triều	Sinh viên
	08.01.2008		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Phạm Thị Lệ Quyên	
						Nguyễn Đình Quý	
58	Nguyễn Đình Quốc	Trường THPT TQD	22 Thạch Trụ Đông.	Nông	12/12	Đoàn Thị Nhi	Sinh viên
	12.02.2008		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Lê Trung Phương	
59	Lê Trung Nam	ĐH GTVT	20.Thạch Trụ Đông.	Nông	12/12	Nguyễn Thị Kim Sang	Sinh viên
	27.02.2006	51206006958	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Đình Cho	
60	Nguyễn Đình Quyền	ĐH Công thương	22.Thạch Trụ Đông.	Nông	12/12	Nguyễn Thị Loan	Sinh viên
	02.02.2006		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Phạm Duy Khanh	
						Lê Thị Diễm Kiều	
61	Phạm Hữu Phước	Đại Học Myongji Seoul, Hàn Quốc	21.Thạch Trụ Đông.	Nông	12/12		Sinh viên
	26.03.2006	366301129	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không			
		0973475336(cha)					
62	Lê Văn Quân	ĐH BÁCH KHOA- ĐH ĐÀ NẴNG	21.Thạch Trụ Đông.	Nông	12/12	Lê Đức Ru	Sinh viên
	24.04.2006	118240226	Lân Phong	Phụ thuộc			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
63	Nguyễn Thành Được 08.04.2006	ĐH GTVT HCM	21.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Kinh, không	12/12	Bùi Thị Hân	Sinh viên
		Nông		Nguyễn Xý			
		Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Viên			
64	Huỳnh Quốc Hưng 06.10.2006	ĐH CÔNG THƯƠNG HCM	21.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông	12/12	Huỳnh Đẹp	Sinh viên
		Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Thu Huệ			
65	Nguyễn Đức Tinh 23.09.2006	ĐH GTVT 2024	23.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Đức Tươi	Sinh viên
		51206008053		Phụ thuộc Kinh, không		Lê Thị Phước	
66	Nguyễn Thành Danh 24.04.2006	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	20.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Thành Nam	Sinh viên
		Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Mỹ Lê			
67	Nguyễn Hữu Tinh 20.01.2006	Trường Đại Học Kỹ Thuật Y-Dược Đà Nẵng	14.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Hữu Trí	Sinh viên
		Phụ thuộc Kinh, không		Võ Thị Đáng Kiều			
68	Ngô Quang Vĩnh 09.08.2005	Đại học Duy Tân	20 .Thạch Trụ Đông. Phong	Lân	12/12	Ngô Long	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không		11.01.1978	
69	Đinh Đức Công 01.04.2005	ĐH Sư phạm kỹ thuật	22 .Thạch Trụ Đông. Phong	Lân	12/12	10.10.1980	Sinh viên
				Nông		Đinh Văn Dũng	
				Phụ thuộc Kinh, không		12.02.1976	
70	Trần Thanh An 25.01.2005	ĐH GTVT TP HCM	21.Thạch Trụ Đông. Phong	Lân	12/12	Nguyễn Thị Quý	Sinh viên
				Nông		26.09.1982	
				Phụ thuộc Kinh, không		Trần Thanh Bảy	
71	Nguyễn Văn Bảo 21.12.2005	ĐH GTVT HCM	21 .Thạch Trụ Đông. Phong	Lân	12/12	12.12.1966	Sinh viên
		51205009744		Nguyễn Thị Lưu			
				10.06.1969			
72	Lê Nguyễn Minh Tâm 15.11.2005	ĐH Phạm Văn Đồng	22 .Thạch Trụ Đông. Phong	Lân	12/12	Nguyễn Văn Bạch	Sinh viên
		23510201030		16.02.1981			
				Phạm Thị Tuyết			
						01.02.1982	
72	Lê Nguyễn Minh Tâm 15.11.2005	ĐH Phạm Văn Đồng	22 .Thạch Trụ Đông. Phong	Lân	12/12	Lê Minh Lưu	Sinh viên
		23510201030		10.09.1984			
				Nguyễn Thị Miên			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ	
73	Nguyễn Nhật Thành 09.05.2005	ĐH CÔNG NGHỆ HCM 2380602043	22 .Thạch Trụ Đông. Phong	Lân	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	01.02.1981 Nguyễn Chung 1.7.1980 Nguyễn Thị Sáu 6.10.1981	Sinh viên
	Nguyễn Đình Quân 04.03.2005	ĐH GTVT HCM 51205007147	22 .Thạch Trụ Đông. Phong	Lân	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Đình In 8.11.1972 Bùi Thị Anh 10.10.1979	
	Nguyễn Đức Duy Đan 2.11.2005	ĐH DUY TÂN 29214623028	23.Thạch Trụ Đông. Phong	Lân	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Đức Ut 03.02.1976 Nguyễn Thị Phương 03.04.1979	
76	Nguyễn Mậu Minh Phát 2.4.2005	ĐH CNTT & TRUYỀN THÔNG VIỆT HÂN 23CE054	23.Thạch Trụ Đông. Phong	Lân	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Thế Cương 10.12.1979 Nguyễn Thị Quyết 20.02.1985	Sinh viên
	Phạm Tấn Đạt 14.11.2005	ĐH Sài Gòn 382540663 3123411069	23 .Thạch Trụ Đông. Phong	Lân	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Khản 16.03.1968 Phùng Thị Lương 10.2.1972	
	Nguyễn Lữ Anh Pha 16.04.2005	CĐ CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC 23211DH1953	24 .Thạch Trụ Đông. Phong	Lân	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Phú Đông 11.10.1980 Lữ Thị Huỳnh 21.12.1982	
79	Nguyễn Đức Bi 15.08.2005	ĐH Văn Hiến 896481533 384401596 231A020067	24 .Thạch Trụ Đông. Phong	Lân	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Đức Cát 08.03.1979 Lữ Thị Là 30.08.1985	Sinh viên
	Lê Chánh Ân 04.01.2005	Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh 23520007	21.Thạch Trụ Đông. Phong	Lân	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Chánh Hưng 08.08.1977 Nguyễn Thị Xuân Trung	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
81	Võ Ngô Quân 03.8.2004	ĐH SPKT 22144173	24.Thạch Trụ Đông	Nông	12/12	02.09.1982 Võ Thanh Tùng	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không			
82	Nguyễn Văn Trọng 14.2.2004	ĐH Văn Hiến 221A230016	20.Thạch Trụ Đông. Phong	Nông	12/12	Ngô Thị Quyền Nguyễn Văn Lâm 10.10.1972 Võ Thị Đa 5.10.1978	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không			
83	Dương Quang Hào 30.4.2005	ĐH CÔNG NGHIỆP HCM	14.Thạch Trụ Đông. Phong	Nông	12/12	Dương Anh Tuấn 09.08.1980 Nguyễn Thị Anh Thư 06.11.1984	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không			
84	Trần Quang Dương 13.1.2004	ĐH GTVT 2254060127	21.Thạch Trụ Đông. Phong	Nông	12/12	Trần Thái 20.10.1975 Nguyễn Thị Nương 20.7.1978	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không			
85	Nguyễn Trần Anh Khải 20.5.2004	Đại học nội vụ Hà Nội 2205TTRB-10	14.Thạch Trụ Đông. Phong	Nông	12/12	Nguyễn Trần Anh Kiệt 1972 Nguyễn Thị Lê Hà 1983	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không			
86	Phùng Quang Duy 16.6.2004	ĐH SPKT TP HCM 22143190 Me:0964896849	23.Thạch Trụ Đông. Phong	Nông	12/12	Phùng Tấn Đạt 18.7.1977 Đỗ Thị Quyền 10.11.1983	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không			
87	Nguyễn Văn Nhân 22.11.2004	ĐH DUY TÂN 28212300543	23.Thạch Trụ Đông. Phong	Nông	12/12	Nguyễn Quân 1980 Huỳnh Thị Thanh Nhân 1981	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không			
88	Lê Hoàng Phúc 6.2.2004	Trường ĐH Mở HCM 968128458 33736643 2251052095	20.Thạch Trụ Đông. Phong	Nông	12/12	Lê Thanh Hồng 1.6.1973 Lê Thị Hồng Hà 20.2.1979	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không			
89	Nguyễn Thành Trung 06.09.2004	ĐH TÔN ĐỨC THẮNG 42200218	21.Thạch Trụ Đông	Nông	12/12	Nguyễn Văn Quang (c) Lê Thị Bích Huyền	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	10 -Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
90	Phùng Văn Vệ 30.7.2004	CĐ BC CÔNG NGHỆ 77416172 2310010097	24.Thạch Trụ Đông	Nông	12/12	Phùng Thị Tư	Sinh viên
		Cao Đẳng GTVT TP HCM 2421170014		Phụ thuộc Kinh, không			
91	Lê Chánh Nghĩa 05.07.2003	ĐH Bách Khoa 2111839	21 .Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Chánh Hưng 8.8.1977 Phan Thị Xuân Trung	Sinh viên
92	Huỳnh Đăng Phú Quý 27.02.2008	Trường THPT TQD	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Huỳnh Văn Vũ Đặng Thị Mỹ Hương	Sinh viên
93	Lữ Nhật Bình 21.02.2008	Trường THPT TQD	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lữ Anh Toàn Nguyễn Thị Liên	Sinh viên
94	Nguyễn Phước Hải 06.01.2008	Trường THPT TQD	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Thành Văn Ngô Thị Thái Phiên	Sinh viên
95	Lê Hồng Quân 19.01.2008	Trường THPT TQD	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Minh Đức Phạm Minh Nguyệt	Sinh viên
96	Phan Nguyễn Thiên Ân 26.02.2008	Trường THPT TQD	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phan Ứt Nguyễn Thị Thu Sương	Sinh viên
97	Nguyễn Lê Gia Phát 06.02.2008	Trường THPT TQD	15.Thạch Trụ Tây .Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Tỵ Lê Thị Mỹ Phương	Sinh viên
98	Lương Ngọc Tuyên 25.02.2008	Trường THPT TQD	18a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lương Hòa Nguyễn Thị Liễu	Sinh viên
99	Cao Gia Hân 26.02.2008	Trường THPT TQD	19a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Cao Văn Hùng Nguyễn Thị Thu Huệ	Sinh viên
100	Nguyễn Tấn Lộc 10.03.2007	ĐH Bách khoa TPHCM	19b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Ngọc Thi 1983 Nguyễn Thị Lê Thuý	Sinh viên
	Nguyễn Tấn Lộc			Nông		Nguyễn Ngọc Thi	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
101	10.03.2007	ĐH Bách khoa TP HCM	19b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	12/12	1983 Nguyễn Thị Lệ Thuỷ	Sinh viên
						1981	
102	Huỳnh Trọng Nghĩa	CĐKT CAO THẮNG	18a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	12/12	Huỳnh Minh Định	Sinh viên
	25.05.2007	301251156		Phụ thuộc Kinh, không		1981 Trần Thị Hương	
						1985	
103	Huỳnh Nguyễn Anh Trinh	CĐKTT CAO THẮNG	19a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	12/12	Huỳnh Văn Triền	Sinh viên
	28.06.2007	466251263		Phụ thuộc Kinh, không		1979 Nguyễn Thị Vang	
						1977	
104	Nguyễn Hữu Thiện	ĐH CÔNG THƯƠNG HCM	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Hữu Tuấn	Sinh viên
	07.11.2006	866766991		Phụ thuộc Kinh, không			
		2033240323				Nguyễn Thị Thúy Phương	
105	Phạm Thanh Bình	ĐH CÔNG THƯƠNG HCM	19b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	12/12	Phạm Tấn Lực	Sinh viên
	10.03.2006	376026375		Phụ thuộc Kinh, không			
		2013240042				Huỳnh Thị Mộng Thủy	
106	Đỗ Hùng Trung	Bách khoa Đà Nẵng	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	12/12	Đỗ Hùng Nghĩa	Sinh viên
	03.01.2006	101240325		Phụ thuộc Kinh, không			
						Lê Ái Mỹ	
107	Phạm Hoàng Tuấn	ĐH FPT TP HCM	16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	12/12	Phạm Đình Quát	Sinh viên
	26.02.2006	SE200947		Phụ thuộc Kinh, không			
						Nguyễn Thị Lài	
108	Phạm Ngọc Phát	ĐH CÔNG NGHIỆP TP HCM	19a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	12/12	Phạm Ngọc Hưng	Sinh viên
	09.01.2006	24643441		Phụ thuộc Kinh, không			
		976920152				Võ Thị Kim Phượng	
109	Lê Đức Hoàng Tú	ĐH VĂN LANG	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	12/12	Lê Đức Tính	Sinh viên
	24.06.2006	2,4732E+12		Phụ thuộc Kinh, không			
		906425447				Nguyễn Thị Thu Hoa	
110	Nguyễn Minh Hiếu	ĐH SPKT HCM	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Văn Tuyền	Sinh viên
	15.08.2006	24110211		Phụ thuộc			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	2-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
111	Nguyễn Văn Tin	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN- DDHQG TP HCM	15.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Kinh, không	12/12	Lê Thị Hương	Sinh viên
	14.03.2006	MSSV 24521788		Nông		Nguyễn Văn Tài	
		3787861052		Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Thủy	
112	Nguyễn Châu Trung Hiếu	ĐH SPKT TP HCM	15.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Văn Bảy	Sinh viên
	31.03.2006	24119131		Phụ thuộc Kinh, không		Châu Thị Bích Lệ	
				Nông		Nguyễn Văn Mạnh	
113	Nguyễn Văn Thiên	ĐH TCKT	15.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Đoàn Thị Ái Nhi	Sinh viên
	08.07.2006	24130628		Phụ thuộc Kinh, không			
		326614715					
114	Nguyễn Quốc Đạt	Học viện Y Dược HOC Cổ truyền Việt Nam	16.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Hồng Sơn	Sinh viên
	10.03.2006	358543763		Phụ thuộc Kinh, không		Phạm Thị Nguyệt	
115	Nguyễn Minh Mẫn	CĐ CAO THẮNG	16.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Văn Đến	Sinh viên
	23.08.2006	461241139		Phụ thuộc Kinh, không		Đỗ Thị Minh Thư	
116	Nguyễn Ngọc Việt	ĐH GTVT TP HCM	16.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Ngọc Sơn	Sinh viên
	15.08.2006	51206000666		Phụ thuộc Kinh, không		Trương Thị Bích Lệ	
		799335049					
117	Nguyễn Duy Luân	ĐH CÔNG NGHIỆP TPHCM	16.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Linh	Sinh viên
	06.08.2006	24677441		Phụ thuộc Kinh, không		Trần Thị Thủy	
		987835097					
118	Nguyễn Ngọc Thịnh	CĐ Kỹ Nghệ Dung Quất	16.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Ngọc Ca	Sinh viên
	14.03.2006	ME 0935556745		Phụ thuộc Kinh, không		Huỳnh Thị Kim Duyên	
119	Lê Trần Vũ	ĐH PVĐ	17.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Lê Văn Hùng	Sinh viên
	22.07.2006			Phụ thuộc Kinh, không		Trần Thị Nhàng	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
120	Lâm Văn Duẩn	CĐ PHÁT THANH-TRUYỀN HÌNH	18a.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Lâm Văn Chương	Sinh viên
	18.10.2006	766570446		Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Hồng Trang	
121	Phạm Quang Lợi	ĐH SPKT TP HCM	19a.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Phạm Lê	Sinh viên
	14.03.2006	24147143		Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Tròn	
						Nguyễn Lạc	
122	Nguyễn Minh Vương	ĐH GTVT	19b.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Sinh viên
	23.12.2006	344974085		Phụ thuộc Kinh, không		Lương Quý Thạch	
		66206008008					
123	Lương Nguyễn Hoàng Vũ	ĐH KHTN	19b.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Thị Thu Vân	Sinh viên
	15.05.2006	MSSV:24120493		Phụ thuộc Kinh, không			
124	Huỳnh Thái Long	ĐH FPT TP.HCM	15.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Huỳnh Thái Thuận	Sinh viên
	20.02.2006	SE201173		Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Hữu Phương	
		369301394					
125	Phạm Thanh Phong	Đh công nghiệp HCM	15.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Phạm Tuấn	Sinh viên
	30.06.2006	24720301		Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Bạch Tuyết	
126	Nguyễn Đức Gia An	KINH TẾ TÀI CHÍNH	18a.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Đức Phú	Sinh viên
	27.08.2006	245159091		Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Thanh Tâm	
127	Lâm Hoàng An	ĐH FPT TP.HCM	18a.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Lâm Hoàng Lực	Sinh viên
	09.09.2006	SE201018		Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Ly	
						Nguyễn Sen	
128	Nguyễn Gia Huy	ĐH Công thương	18b.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Bùi Thị Thu Trang	Sinh viên
	30.01.2006			Phụ thuộc Kinh, không		Lê Thiên Vỹ	
129	Lê Quốc Long	ĐH CÔNG THƯƠNG HCM	18b.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Thị Thu Thủy	Sinh viên
	27.01.2006			Phụ thuộc Kinh, không			
	Nguyễn Hoàng Vũ	ĐH KIẾN TRÚC ĐN		Nông		Nguyễn Đình Ban	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
130	14.07.2006	2451010243 347365869	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Thị Lam	Sinh viên
131	Huỳnh Tấn Mạnh 02.05.2006	ĐH Văn Lang	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Huỳnh Tấn Hùng Đương Thị Liên	Sinh viên
132	Lê Thành An 29.04.2006	Đh công nghiệp HCM 24681731	16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Văn Dực Đỗ Thị Thanh Ngọc	Sinh viên
133	Nguyễn Hoàng Minh 23.08.2006	CĐ KT CAO THẮNG 462241051 869559470	16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Đến Đỗ Thị Minh Thư	Sinh viên
134	Nguyễn Hà Việt 09.07.2006	ĐH công nghiệp hcm 24000865	16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Tuấn Tú Hà Thị Quyên	Sinh viên
135	Nguyễn Văn Khải 28.11.2006	ĐH Kiến Trúc 24520100181	16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Linh Võ Thị Thường	Sinh viên
136	Lại Thành Giang 31.03.2006	FPT SS203015	17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lại Lôi Văn Ngô Thị Ngọc Uyển	Sinh viên
137	Đặng Huỳnh Minh Thuận 12.12.2006	ĐH Ngoại ngữ tin học 24DH201719	17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Đặng Văn Trọng Huỳnh Thị Hà	Sinh viên
138	Lê Ngọc Phúc 23.02.2006	ĐH Phạm Văn Đồng 702679642	17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Ngọc Khánh Nguyễn Thị Lê Chi	Sinh viên
139	Lê Hoàng Hải 19.10.2006	Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật – Đại Học Đà Nẵng. 869720489 2,41505E+12	19a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Văn Tuấn Nguyễn Thị Nhung	Sinh viên

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
140	Lê Nguyễn Hùng Trí 25.12.2006		18a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Hùng Minh Nguyễn Thị Bích Thảo	Sinh viên
141	Đinh Việt Quân 16.11.2005	Đại học Bưu chính viễn thông 336349215 N23DCCN116	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Đinh Văn Trị 22.12.1972 Lương Thị Ngọc Hạnh 30.6.1981	Sinh viên
142	Nguyễn Văn Thương 19.1.2005	ĐH KỸ THUẬT Y DƯỢC ĐN 2351010211 943533171	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Thiện 6.3.1972 Võ Thị Ngọc Hằng 20.08.1981	Sinh viên
143	Nguyễn Minh Trí 08.02.2005	ĐH GTVT HCM 51205001541	16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Bá Tùng 08.04.1970 Biên Thị Kiên Nhân 29.10.1972	Sinh viên
144	Trần Quang Thiện 05.09.2005	CĐ KTCT HCM 307231164	17 .Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Quang Hải 06.01.1975 Nguyễn Thị Kim Châu 17.07.1975	Sinh viên
145	Nguyễn Văn Đạt 25.05.2005	CĐ KTCT HCM 464231141	18b .Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Tiến 20.10.1981 Võ Thị Nguyên 20.04.1981	Sinh viên
146	Nguyễn Phan Gia Lạc 14.01.2005	ĐH Kinh tế kỹ thuật bình dương D23F01A3221	17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Đình Lân 25.4.1964 Phan Thị Liễu 20.12.1968	Sinh viên
147	Nguyễn Thanh Lộc 27.01.2005	HS 12 Trần Quang Diệu	18B.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Lâm Nguyễn Thị Mai	Sinh viên
148	Lâm Văn Trường 13.05.2005	CĐ Công Thương 376698712 2123110165	18A.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lâm Văn Năm 24.01.1969 Nguyễn Thị Huê 10.11.1969	Sinh viên

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ	
149	Lâm Văn Hiếu 13.10.2005	ĐH Đông Á 105882	19A.Thạch Trụ Tây. Phong	Lân	Nông	12/12	Lâm Văn Cường 10.01.1976	Sinh viên
		Phụ thuộc Kinh, không			Nguyễn Thị Hồng Vân 30.06.1984			
150	Phan Đình Đạt 19.3.2005	ĐH BẠCH KHOA 2310684	17 .Thạch Trụ Tây.	Lân Phong	Nông	12/12	Phan Đình Trúc 12.12.1964	Sinh viên
		Phụ thuộc Kinh, không			Nguyễn Thị Kiều 24.12.1970			
151	Nguyễn Mậu Duy Khanh 24.12.2005	ĐH VĂN HIẾN 961612452 Mẹ: 0981025978 231A371454	18a .Thạch Trụ Tây. Phong	Lân	Nông	12/12	Nguyễn Mậu Ngọc 02.01.1972	Sinh viên
		Phụ thuộc Kinh, không			Nguyễn Thị Bé 10.09.1973			
152	Hà Xuân Đôn 17.11.2005	CĐ FPT HCM PS38752	18a .Thạch Trụ Tây. Phong	Lân	Nông	12/12	Hà Thanh Quang 5.8.1968	Sinh viên
		Phụ thuộc Kinh, không			Lê Thị Nhung 07.3.1972			
153	Nguyễn Hữu Thắng 14.08.2005	ĐH CÔNG NGHIỆP HCM CHA: 0913483217 23655471	15 .Thạch Trụ Tây.	Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Văn Ý 01.01.1965	Sinh viên
		Phụ thuộc Kinh, không			Nguyễn Thị Thủy 19.02.1968			
154	Nguyễn Duy Kha 08.12.2005	ĐH VĂN LANG 2,3721E+12 948332859	15.Thạch Trụ Tây.	Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Đình Khánh 6.9.1969	Sinh viên
		Phụ thuộc Kinh, không			Phạm Thị Lệ Thu 10.11.1972			
155	Nguyễn Duy Hải 22.10.2005	CĐ GTVT TW V 2,3651E+12 Mẹ: 0974925787 HAI. 0000304041	15 .Thạch Trụ Tây.	Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Mỹ 06.10.1965	Sinh viên
		Phụ thuộc Kinh, không			Võ Thị Thanh Thủy 02.02.1969			
156	Ngô Duy Lợi 21.06.2005	CĐ Kỹ thuật Cao Thắng 304231046 GOI	15 .Thạch Trụ Tây.	Lân Phong	Nông	12/12	Ngô Văn Dư 10.10.1975	Sinh viên
		Phụ thuộc Kinh, không			Bùi Thị Thủy 10.07.1981			
157	Nguyễn Văn Đạt 25.05.2005	CĐ KTCT HCM 464231141	18b .Thạch Trụ Tây.	Lân	Nông Phụ thuộc	12/12	Nguyễn Văn Tiến 20.10.1981	Sinh viên

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
157			Phong	Kinh, không	12/12	Võ Thị Nguyên 20.04.1981	Sinh viên
158	Nguyễn Quang Hà 27.11.2004	ĐH CÔNG NGHỆ SG 2382800143	19a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Hồ 4.4.1974 Nguyễn Thị Thủy Trang 13.11.1980	Sinh viên
159	Phạm Nguyễn Trung Nguyên 12.3.2004	ĐH CÔNG NGHỆ HCM DH52301331	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Văn Thịnh Nguyễn Thị Kim Ngoan	Sinh viên
160	Nguyễn Thành Lợi 6.11.2004	GTVT 967310307	18b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Hải 12.9.1975 Phạm Thị Mỹ Thuận 12.10.1982	Sinh viên
161	Nguyễn Ngọc Thiện Ân 16.9.2004	Trường ĐH sư phạm 905016007 48.01.106.002	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Thái Hiền Nhi 12.1.1983	Sinh viên
162	Phạm Thanh Trúc 16.11.2004	ĐH GTVT 22H1120055 382732458	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Văn Đức 1960 Trần Thị Sinh 10.12.1968	Sinh viên
163	Nguyễn Sơn Tùng 20.6.2004	ĐH Phạm Ngọc Thạch 2251010540	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Huỳnh Thị Phên 11.7.1977	Sinh viên
164	Nguyễn Kim Nguyên 18.11.2004	ĐH CÔNG NGHỆ HCM	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Kim Quan 1967 Trần Thị Việt 1970	Sinh viên
165	Cao Nguyễn Văn Trường 18.03.2004	Đại học Bách Khoa-ĐHQG TPHCM 2213732	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Cao Văn Xuân 03.6.1973 Nguyễn Thị Lê Thi 13.8.1978	Sinh viên

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
166	Nguyễn Phan Bách	Trường Đại học SPKT- Đh Đà Nẵng	18a.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Ngọc Hưng	Sinh viên
	2.8.2004	2,21151E+13		Phụ thuộc Kinh, không		15.6.1968	
						Phạm Thị Hoàng	
167	Nguyễn Hữu Trí	FPT	19a.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	1.12.1970 Nguyễn Ngọc	Sinh viên
	18.02.2004	ĐH công Nghệ TP HCM		Phụ thuộc Kinh, không		1962	
		24806600236				Trần Thị Ngọc	
168	Võ Nguyễn Hoài Bảo	ĐH Cần Thơ	16. Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Vô Luân	Sinh viên
	11.12.2004	B2204487		Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Em	
						Nguyễn Ngọc Tươi	
169	Nguyễn Bá Duy	ĐH KHTN	18b.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	21.9.1973	Sinh viên
	31.7.2004	22120078		Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Thanh	
						Nguyễn Đức kè	
170	Nguyễn Minh Vũ	ĐH SG	19a.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	9.2.1971	Sinh viên
	26.10.2004	3122560090		Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Vân	
						10.7.1978	
171	Nguyễn Ngọc Linh	ĐH Ngân hàng TP.HCM	16.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Ngọc Bích	Sinh viên
	24.1.2004	30838220105		Phụ thuộc Kinh, không		4.12.1970	
						Nguyễn Thị Thủy Trang	
172	Phan Thành Tiến	ĐH NGOẠI THƯƠNG	15. Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Phan Thành Quân	Sinh viên
	01.12.2004	2212155200		Phụ thuộc Kinh, không		Trần Thị Phi	
		868430537					
173	Lê Văn Chương	ĐH NÔNG LÂM	16.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Lê Văn Vũ	Sinh viên
	18.12.2004	342065477		Phụ thuộc Kinh, không		1977	
		22166006				Đặng Thị Lê	
174	Nguyễn Khắc Viễn	ĐH Khoa học tự nhiên	16. Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Khắc Mùi	Sinh viên
	17.5.2004	22127491		Phụ thuộc			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	19 -Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
175	Bùi Quốc Việt	ĐH KIẾN TRÚC HCM	16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	12/12	Phạm Thị Lan	Sinh viên
	13.9.2004	22510501563		Nông		Bùi Xuân Cát	
		24510501509(mớ i)		Phụ thuộc			
176	Phạm Nguyễn Trung Nguyên	ĐH CÔNG NGHỆ HCM	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	12/12	Đặng Thị Mỹ	Sinh viên
	12.3.2004	DH52301331		Nông		Phạm Văn Thịnh	
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Kim Ngoan	
177	Trần Nguyên Vũ	ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	12/12	Trần Đức Tánh	Sinh viên
	05.10.2003	21100531		Nông		21.11.1971	
				Phụ thuộc		Trần Thị Nương	
178	Nguyễn Chí Đông	ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	12/12	6.4.1975	Sinh viên
	12.01.2003			Nông		Nguyễn Văn Hiến	
				Phụ thuộc		28.12.1969	
179	Đỗ Hoài Phận	ĐH Công Nghiệp TP HCM	16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	12/12	Nguyễn Thị Nhân	Sinh viên
	30.01.2003	982202234		Nông		2.3.1973	
		21135901		Phụ thuộc		Đỗ Sơn	
180	Phan Nguyễn Duy Thành	ĐH TÂY NGUYÊN	17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	12/12	6.10.1963	Sinh viên
	10.01.2003	(Ngành Y đa khoa)		Nông		Nguyễn Thị Liễu	
		914034499		Phụ thuộc		5.3.1968	
181	Nguyễn Tấn Khải	ĐH CÔNG NGHIỆP	19b .Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	12/12	Phan Thế Hùng	Sinh viên
	20.06.2003	21009131		Nông		20.9.1973	
		969921327		Phụ thuộc		Nguyễn Thị Bích Thủy 10.5.1973	
182	Nguyễn Quốc Thịnh	Học viện Bưu chính viễn thông	18b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	12/12	Nguyễn Tấn Duy	Sinh viên
	13.05.2003	N21DCCN180		Nông		1.1.1980	
				Phụ thuộc		Huỳnh Thị Lệ Thủy	
						10.10.1981	
						Nguyễn Hùng	
						10.7.1968	
						Đặng Thị Luyện	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	20 -Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
183	Nguyễn Đăng Lưu Việt Bảo 04.01.2003	ĐH Bách khoa 2112868	15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	10.2.1967 Nguyễn Văn Thụ	Sinh viên
184	Nguyễn Văn Hợp 04.01.2007	ĐH Kiến Trúc TPHCM	38.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Đặng Thị Cẩm Hương Nguyễn Văn Chí 1982 Nguyễn Thị Xuân Lũy 1983	Sinh viên
185	Trần Ngọc Tập 10.01.2006	Đại học GTVT 051206013725	9.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Ngọc Bút 19.05.1979 Trần Thị Hồng Thái 16.02.1982	Sinh viên
186	Trần Quang Huy 28.01.2006	ĐH Sài Gòn 3124410123	11.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Thanh Sang 11.02.1983 Trịnh Thị Thúy Diễm 16.11.1986	Sinh viên
187	Nguyễn Quốc Thuyên 16.01.2006	CĐ FPT BS45616	11.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Cu Em 19.01.1977 Trần Thị Tâm 19.10.1979	Sinh viên
188	Trần Tuấn Kiệt 30.04.2006	Đại học Bách khoa Đà Nẵng 105240309	14.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Hồng Duyên 17.11.1979 Nguyễn Thị Hồng Hải 01.03.1983	Sinh viên
189	Trần Phạm Tấn Tài 22.03.2006	CĐ Kỹ thuật Cao Thắng TPHCM 0461241077	.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Thương 12.11.1978 Phạm Thị Thúy Kiều 21.10.1980	Sinh viên
190	Trần Nguyễn Minh 18.07.2006	CĐ FPT TPHCM BS01431	12.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Thanh Nhanh 01.10.1978 Nguyễn Thị Mỹ Lệ 14.03.1982	Sinh viên
191	Huỳnh Quốc Cường 26.01.2006	CĐQuốc tế TPHCM CAP62414F3008	12.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Huỳnh Minh Ngọc 20.11.1976 Nguyễn Thị Thúy Nga 10.07.1978	Sinh viên
192	Nguyễn Ngọc Anh 24.08.2006	CĐ Phương Đông Đà Nẵng	13.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Ngọc Ánh 01.01.1979 Cao Thị Quý	Sinh viên

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
193	Trần Như Phú 13.10.2006	CD kỹ thuật Cao Thắng 0461241155	11.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	23.09.1978 Trần Lem 01.01.1971 Huỳnh Thị Hạnh 26.08.1976	Sinh viên
194	Đinh Ngọc Ngải 20.3.2005	CD Công nghệ Thủ Đức 232110T3179	9.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Đinh Phước 01.01.1968 Lê Thị Phụng 01.01.1976	Sinh viên
195	Lê Trần Minh Triệu 11.8.2005	CD Công thương TPHCM 2123030020	10.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Sơn 01.01.1973 Trần Thị Hà 01.01.1975	Sinh viên
196	Nguyễn Ngọc Nho 14.02.2005	CD Phương Đông	13.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Ngọc Anh 01.01.1979 Cao Thị Quý 23.09.1978	Sinh viên
197	Nguyễn Trung Tỷ 13.02.2005	ĐH Công nghệ TP.HCM 2383009059	13.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Phú 1971 Đoàn Thị Mỹ Kim 03.9.1975	Sinh viên
198	Nguyễn Văn Cao 11.10.2005	CD Công nghệ TĐức CDD0405.K17A.0006	13.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Siêm 31.12.1969 Phạm Thị Kim Vinh 15.8.1974	Sinh viên
199	Trương Gia Uy 14.02.2005	ĐH GTVT 051205010833	13.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trương Công Định 03.01.1978 Trần Thị Cẩm Nhung (c) 06.04.1978	Sinh viên
200	Nguyễn Lê Khánh Duy 18.02.2005	CD kinh tế đối ngoại 2304017	13.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc	12/12	Nguyễn Phi Phi 1980	Sinh viên

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	22 -Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
201	Võ Xuân Trường 04.12.2005	CĐ kỹ thuật Cao Thắng	13.Lâm Thượng. Lân Phong	Kinh, không	12/12	Lê Thị Bé Hai 20.12.1984	Sinh viên
				Nông Phụ thuộc Kinh, không		Võ Văn Nhanh 15.02.1978	
						Nguyễn Thị Danh 19.8.1981	
202	Ngô Minh Thiện 21.10.2005	ĐH công thương TPHCM	14.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Ngô Văn Linh 03.3.1977	Sinh viên
						Huỳnh Thị Hạnh 03.01.1979	
203	Huỳnh Trinh Tiến Đạt 10.9.2004	CĐ công nghệ Thủ Đức	12.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Huỳnh Vá Anh (c) 1971	Sinh viên
						Trịnh Thị Hiền 01.01.1975	
204	Ngô Văn Quyên 07.03.2004	CĐ Công nghệ Thủ Đức	13.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Ngô Văn Nin 11.12.1970	Sinh viên
						Phạm Thị Thu Trang 01.01.1971	
205	Nguyễn Tiến Nam 21.10.2004	ĐH sư phạm kỹ thuật 22132094	38.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Cu Anh 25.10.1978	Sinh viên
						Võ Thị Phúc 01.01.1980	
206	Trần Quang Minh 27.04.2004	ĐH FPT Đà Nẵng DS180079	38.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần chiêm 10.7.1966	Sinh viên
						Nguyễn Thị Loan 10.10.1970	
207	Nguyễn Thanh Tài 24.11.2007	CĐ CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC 25211MK2599	1.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Thanh Liêm	Sinh viên
						Võ Thị Diệu	
208	Nguyễn Trung Thực 23.01.2006	CĐ công nghệ Thủ Đức 24211DL0477	1.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Vương 23.10.1973	Sinh viên
						Võ Thị Thừa 16.03.1971	
	Nguyễn Tấn Thành	CĐ Lý Tự Trọng	1.Lâm Hạ.	Nông		Nguyễn Tấn Hiền	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
209	18.02.2006	24001464	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	12/12	12.08.1982 Trình Thị Diệp 24.06.1986	Sinh viên
210	Nguyễn Minh Triệu 23.06.2006	CĐ GTVT TPHCM 2421010363	1.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Ngọc Nhị 20.09.1974 Nguyễn Thị Kim Thủy 10.10.1976	Sinh viên
211	Nguyễn Văn Thiện 14.04.2006	CĐ kỹ thuật Cao Thắng 0309241310	1.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Lai 09.08.1972 Nguyễn Thị Diên 17.01.1982	Sinh viên
212	Trịnh Mai Minh Phúc 23.09.2006	ĐH Công thương TPHCM	2.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trịnh Minh Phương 19.08.1979 Mai Thị Bích Nguyệt 05.05.1979	Sinh viên
213	Lê Phạm Gia Phong 14.06.2006	ĐH GTVT 051206003999	2.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Hà 13.05.1973 Phạm Thị Xuân Thủy 26.12.1973	Sinh viên
214	Võ Trung Nguyên 02.06.2006	ĐH Sư phạm kỹ thuật TPHCM 24151219	3.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Võ Bá Kinh 03.08.1976 Trần Thị Phi 02.07.1977	Sinh viên
215	Nguyễn Đức Mạnh 28.08.2006	ĐH Sư phạm kỹ thuật TPHCM 24149045	4.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Thắng 11.07.1981 Nguyễn Thị Ly Sa 20.12.1984	Sinh viên
216	Lê Bình Dương 07.05.2006	CĐ Công thương TPHCM	4.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Thành Công 12.07.1966 Phan Thị Đào 20.05.1970	Sinh viên
217	Phùng Đức Đạt 05.05.2006	CĐ Kỹ thuật Cao Thắng TPHCM 0304241321	4.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phùng Đức Trí 10.01.1970 Nguyễn Thị Lệ Thủy 14.04.1974	Sinh viên
218	Phạm Tân Hiền 07.11.2006	CĐ Công nghệ thông tin TPHCM	4.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Tuấn 20.05.1973 Trịnh Thị Chín	Sinh viên

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	24 -Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
219	Nguyễn Bùi Thanh Vàng 23.12.2006	501240214 ĐH Luật Huế 24A5021163	4.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	07.04.1972 Nguyễn Thanh Long	Sinh viên
						25.10.1980 Bùi Thị Kim Oanh	
						16.08.1980 Phan Tấn Tài	
220	Phan Tấn Hậu 02.08.2006	CD Công nghệ Thủ Đức 24211OT2535	5.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	26.09.1982 Trương Thị Hồng Phước	Sinh viên
						21.09.1981 Phạm Sang	
221	Phạm Tiến Phát 28.02.2006	CD GTVT TW 5- Đà Nẵng	6.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	09.09.1979 Trần Thị Kim Tiếng	Sinh viên
						20.06.1975 Trịnh Minh Dược	
222	Trịnh Minh Quân 18.01.2006	CD Công nghệ Thủ Đức 24211DL0475	2.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	14.02.1969 Nguyễn Thị Liên	Sinh viên
						16.02.1971 Lê Ngọc Thông	
						18.02.1981 Hồ Thị Thu Cúc	
223	Lê Minh Trí 28.03.2006	CD FPT BS45463	7.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	10.09.1981 Thạch Bá Nguyên	Sinh viên
						17.07.1981 Phan Thị Diệu	
224	Thạch Phan Thanh Mẫn 25.03.2006	ĐH Văn Hiến 241A360097	8.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	10.05.1983 Võ Toàn Trung	Sinh viên
						23.06.1984 Trịnh Thị Nhung	
225	Võ Trung Trực 15.08.2005	CD kinh tế đối ngoại TPHCM 2302925	3.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	04.03.1983 Nguyễn Ngọc Khánh	Sinh viên
						14.11.1975 Trương Thị Kim Hương	
226	Nguyễn Ngọc Phương 18.06.2005	CD Viễn Đông	3.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	20.10.1979 Trịnh Phẩm	Sinh viên
						17.8.1967 Nguyễn Thị Ánh	
227	Trịnh Minh Vọng 07.02.2005	CD Công thương TPHCM 2123050156	4.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	10.10.1968	Sinh viên

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
228	Phạm Minh Hiếu 07.10.2005	CD Công nghệ Thủ Đức	4.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Văn Lộc 24.6.1982 Nguyễn Thị Kim Chi 0.11.1980	Sinh viên
229	Huỳnh Thanh Xuân 18.01.2005	CD Công nghệ Thủ Đức	6.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Huỳnh Minh Tâm 28.11.1977 Cao Thị Nương 12.05.1984	Sinh viên
230	Nguyễn Minh Thuận 26.02.2005	CD kinh tế đối ngoại TPHCM 2301394	1.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Minh Hòa 10.3.1980 Huỳnh Thị Thu 30.07.1979	Sinh viên
						Trịnh Văn Dũng 15.10.1973 Nguyễn Thị Thu Hương 01.01.1977	
231	Trịnh Văn Cường 13.07.2005	CD Công Thương	2.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Võ Hưng Đạo 20.06.1970 Nguyễn Thị Kim Tuyền 14.04.1972	Sinh viên
232	Võ Nguyễn Bảo Huy 23.08.2004	ĐH Bách khoa tpHCM	5.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Ngọc Phương 20.09.1978 Lê Thị Minh Hương 30.12.1981	Sinh viên
233	Nguyễn Ngọc Dương 30.09.2004	ĐH công nghiệp TPHCM 22673281	1.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Bùi Thanh Công 01.01.1962 Nguyễn Thị Khánh 20.10.1967	Sinh viên
234	Bùi Thanh Dương 05.12.2004	ĐH công nghiệp TPHCM 22692871	6.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Dề 01.01.1968 Nguyễn Thị Kiều 01.01.1972	Sinh viên
235	Nguyễn Văn Thắng 15.04.2003	ĐH Phạm Văn Đồng 22D140217010	5.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Thanh	Sinh viên
	Nguyễn Văn Trọng	CD KT ĐỐI NGOẠI	28.Thạch Thang.	Nông			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	26. -Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
236	08.01.2007	2501028	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	12/12	1976 Trần Thị Nở 1976	Sinh viên
237	Hàn Thanh Tra 26.05.2006	CĐ Bách khoa Sài Gòn 2404050	22.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Hàn Thanh Bình 08.02.1975 Hồ Thị Kim Dung 15.11.1976	Sinh viên
238	Lưu Trần Hoàng Anh 08.08.2006	ĐH Văn Hiến 241A371426	22.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lưu Văn Mẫn 01.01.1975 Trần Thị Kim Sinh 02.06.1978	Sinh viên
239	Nguyễn Minh Anh 29.07.2006	ĐH GTVT 051206005910	22.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Em 20.08.1981 Nguyễn Thị Thi 08.03.1986	Sinh viên
240	Phạm Lê Hoài Châu 22.10.2006	CĐ kinh tế TPHCM 24681012	22.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Ngọc Phong 21.12.1980 Lê Thị Kim Anh 13.02.1989	Sinh viên
241	Vương Tấn Kiệt 04.07.2006	CĐ Kỹ thuật Cao Thắng TPHCM 0307241131	23.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Vương Văn Hoanh 10.05.1980 Trần Thị Bích Lan 18.08.1981	Sinh viên
242	Phạm Minh Tuấn 15.01.2006	ĐH Công nghiệp TPHCM 24644281	24.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Minh Chín 16.10.1976 Lê Thị Kim Hằng 03.05.1978	Sinh viên
243	Lê Thanh Thắng 05.07.2006	ĐH Văn Hiến 241A030606	24.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Văn Tịnh 04.04.1971 Lê Thị Phương 01.01.1977	Sinh viên
244	Nguyễn Minh Hùng 12.09.2006	CĐ Công thương TPHCM 2124110187	24.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Minh Thạch 21.11.1978 Nguyễn Thị Công 22.02.1982	Sinh viên
	Huỳnh Thanh Sơn	ĐH công nghệ	25.Thạch Thang.	Nông		Huỳnh Thanh Hải	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
245	22.12.2006	TPHCM 24720431	Lân Phong	Phụ thuộc	12/12	09.12.1978	Sinh viên
				Kinh, không		Nguyễn Thị Phương 19.07.1977	
246	Nguyễn Minh Quân 31.05.2006	CD kinh tế đối ngoại TPHCM	26.Thạch Thang. Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Văn Đạt 28.06.1982	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không		Trương Thị Nga 05.08.1983	
247	Nguyễn Duy An 23.11.2006	CD Bách khoa Bách Việt TPHCM 21240090	27.Thạch Thang. Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Sơn 05.09.1977	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Hợp 24.08.1979	
248	Phạm Quang Huy 26.08.2006	CD FPT TPHCM BS45287	27.Thạch Thang. Lân Phong	Nông	12/12	Phạm Quang Mạnh 01.09.1980	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không		Võ Thị Hương 21.03.1986	
249	Phạm Quang Luân 07.12.2006	ĐH Công nghệ thông tin đến 24521030	27.Thạch Thang. Lân Phong	Nông	12/12	Phạm Quang Lành 12.12.1978	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Chí 24.01.1978	
250	Phan Tấn Hoàng 17.10.2006	CD FPT TPHCM BS45299	26.Thạch Thang. Lân Phong	Nông	12/12	Phan Thanh Tùng 20.12.1973	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không		Võ Thị Thành 01.01.1976	
251	Đặng Nguyễn Hoàng Thiên 01.02.2006	ĐH Nông Lâm 24118155	27.Thạch Thang. Lân Phong	Nông	12/12	Đặng Thị Đăng 19.10.1969	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không			
252	Nguyễn Vũ Gia Huy 12.10.2006	ĐH Nguyễn Tất Thành 2400004162	28.Thạch Thang. Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Quang 06.05.1975	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không		Vũ Thị Hà 14.01.1977	
253	Nguyễn Phi Hổ 17.09.2006	ĐH Bách khoa TPHCM 2411152	29.Thạch Thang. Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Văn Hải 20.10.1979	Sinh viên
				Phụ thuộc Kinh, không		Phù Thị Kim Hoanh 05.01.1983	
254	Lê Thành Đạt 30.06.2006	CD GTVT TPHCM	29.Thạch Thang. Lân Phong	Nông	12/12	Lê Văn Tuấn 10.10.1967	Sinh viên
				Phụ thuộc			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
254		TPHCM 2421010486		Kinh, không	12/12	Trịnh Thị Lý 19.05.1969	Sinh viên
255	Trần Ngọc Duy 26.01.2005	CD - KẾ TPHCM 23662037	23.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Huy 10.02.1970 Võ Thị Gái 01.01.1971	Sinh viên
256	Trần Văn Hiếu 25.9.2005	ĐH Tài Nguyên và MT -TPHCM 1250080054	23.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Thị Kim Hồng 24.08.1980	Sinh viên
257	Bùi Tiến Đức 19.7.2005	ĐH GTVT TPHCM 51205000964	24.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Bùi Thiên Tân, 15.8.1971 Đặng Thị Nguyệt 20.11.1980	Sinh viên
258	Phạm Hàn Minh Chương 03.02.2005	ĐH Sư phạm kỹ thuật TPHCM 23110187	24.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Thanh Tám 12.07.1974 Hàn Thị Hải 10.05.1977	Sinh viên
259	Phan Phạm Nhật Huy 24.02.2005	ĐH Công Nghệ TPHCM 2386600207	26.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phan Thanh Nguyên 03.07.1977 Phạm Thị Hạnh 10.10.1979	Sinh viên
260	Phạm Đoàn Minh Quân 17.01.2005	ĐH kiến trúc TPHCM 23520100255	26.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Huy Hoàng 10.06.1979 Đoàn Thị Kim Dung 20.09.1982	Sinh viên
261	Nguyễn Đăng Trinh 14.01.2005	ĐH GTVT 051205000970	29.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Thanh Bình 25.12.1975 Nguyễn Thị Em 22.08.1976	Sinh viên
262	Nguyễn Quang Vinh 07.08.2005	CD Công thương TPHCM 2123030173	29.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Linh 02.8.1978	Sinh viên

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	29 -Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
263	Võ Bá Hồ	Học viện hàng không	29.Thạch Thang.	Nông	12/12	Võ Ngọc	Sinh viên
	03.02.2005	Việt Nam 2331530090	Lân Phong	Phụ thuộc		01.01.1964	
				Kinh, không		Phan Thị Thềm 03.8.1970	
264	Lê Quang Tâm	CĐ Quốc tế	30.Thạch Thang.	Nông	12/12	Lê Văn Tuấn	Sinh viên
	02.08.2005		Lân Phong	Phụ thuộc		15.8.1975	
				Kinh, không		Ngô Thị Thủy 10.10.1978	
265	Võ Nguyễn Duy Đức	ĐH GTVT	30.Thạch Thang.	Nông	12/12	Võ Sử	Sinh viên
	16.05.2005		Lân Phong	Phụ thuộc		01.01.1970	
				Kinh, không		Nguyễn Thị Sư 01.01.1971	
266	Vương Lê Quang	ĐH Bách khoa TPHCM	25.Thạch Thang.	Nông	12/12	Vương Thanh Dũng	Sinh viên
	18.10.2004	2212764	Lân Phong	Phụ thuộc		20.10.1977	
				Kinh, không		Lê Thị Thúy Huyền 12.8.1980	
267	Nguyễn Hoàng Thiên	ĐH kiến trúc TPHCM	23.Thạch Thang.	Nông	12/12	Nguyễn Huệ	Sinh viên
	15.7.2004	22520100320	Lân Phong	Phụ thuộc		1965	
				Kinh, không		Nguyễn Thị Út 1968	
268	Lê Quang Trường	ĐH Duy Tân 28213653033	27.Thạch Thang.	Nông	12/12	Lê Văn Thành	Sinh viên
	28.02.2004		Lân Phong	Phụ thuộc		12.9.1975	
				Kinh, không		Trần Thị Lan 29.8.1979	
269	Nguyễn Ngọc Quyên	ĐH Bách khoa 2212858	27.Thạch Thang.	Nông	12/12	Nguyễn Văn Ngọt	Sinh viên
	20.10.2004		Lân Phong	Phụ thuộc		01.5.1967	
				Kinh, không		Vương Thị Thân 01.01.1971	
270	Nguyễn Vũ Linh	ĐH FPT FE181687	28.Thạch Thang.	Nông	12/12	Nguyễn Văn Tú	Sinh viên
	06.12.2004		Lân Phong	Phụ thuộc		04.11.1967	
				Kinh, không		Võ Thị Thu Mến 31.12.1973	
271	Ngô Thanh Thiên	ĐH ngoại ngữ-tin học	28.Thạch Thang.	Nông	12/12	Ngô Bích	Sinh viên
	25.10.2004	22DH114744	Lân Phong	Phụ thuộc		20.9.1971	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	30 -Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
				Kinh, không		Bùi Thị Năm 31.12.1970	
272	Nguyễn Đình Đại 13.05.2004	ĐH Nguyễn Tất Thành 2200001579	29.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Đình Tiền 25.12.1979 Ngô Thị Bích Thủy 01.9.1983	Sinh viên
273	Nguyễn Thế Phong 07.10.2004	ĐH công nghiệp TPHCM	24.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Thanh Phương 25.10.1980 Võ Thị Thủy Trang 08.10.1987	Sinh viên
274	Đặng Quang Thái 16.02.2003	ĐH Công nghiệp TPHCM 211088291	23.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Đặng Ngọc Phương 07.8.1976 Phạm Thị Tuyết 01.12.1982	Sinh viên
275	Nguyễn Đức Hân 10.09.2003	ĐH Luật TPHCM	25.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Đức Thông 09.10.1969 Bùi Thị Thiên Nga 15.12.1969	Sinh viên
276	Nguyễn Quang Thiên 27.12.2003	ĐH Công nghiệp TPHCM 212008021	27.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Quang Vinh 05.11.1976 Nguyễn Thị Hà 01.01.1977	Sinh viên
277	Huỳnh Tấn Đức 09.03.2003	ĐH Công nghệ TPHCM 2182500233	27.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Huỳnh Quý 16.10.1979 Trình Thị Đào 02.9.1982	Sinh viên
278	Nguyễn Ngọc Tin 17.10.2003	ĐH GTVT	29.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Hùng 10.11.1964 Nguyễn Thị Thu Hương 06.5.1962	Sinh viên
279	Mai Xuân Dũng 23.05.2007	GTVT 51207018763	32.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Mai Xuân Thủy 1976 Nguyễn Thị Thanh Thủy 1979	Sinh viên
	Trần Lê Anh Quốc		37.Văn Hà.	Nông		Trần Văn Cho	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	31-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
280	19.08.2007	ĐH GTVT	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	12/12	1977 Lê Thị Mỹ Hồng 1979	Sinh viên
281	Huỳnh Dĩnh Khang 21.02.2007	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH 2500014259	37.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Huỳnh Thanh Dũng 1982 Bùi Thị Thủy, 1983	Sinh viên
282	Nguyễn Thanh Duy 09.11.2007	ĐH TDTT ĐÀ NẴNG 51207013427	37.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Thanh Dũng 1981 Nguyễn Thị Mẫn 1986	Sinh viên
283	Nguyễn Minh Anh 16.11.2007	TH, THCS THPT THANH BÌNH	37.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Phan Phi Kha 1979 Hồ Thị Liễu 1980	Sinh viên
284	Lê Đức Trí 03.11.2007	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, 25211CK1747	37.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Đức Sơn 1981 Phạm Thị Thu Liên 1982	Sinh viên
285	Phạm Võ Phi Long 07.10.2006	ĐH mở TPHCM 2457012145	31.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Tuấn Đạt 16.02.1986 Võ Thị Lê Hằng 04.10.1987	Sinh viên
286	Lê Quang Điệp 24.02.2006	ĐH Sài Gòn 3124410071	31.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Chín 01.01.1974 Võ Thị Kính 01.01.1976	Sinh viên
287	Võ Trọng Lưu 06.12.2006	CĐ Lý Tự Trọng TPHCM 24001667	31.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Võ Át 23.06.1976 Nguyễn Thị Diễm 25.03.1981	Sinh viên
288	Lê Văn Quý 13.05.2006	ĐH Tôn Đức Thắng TPHCM 52400153	31.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Văn 25.12.1956 Lưu Thị Thanh Thúy 16.02.1965	Sinh viên

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
289	Lê Thành Danh	CĐ FPT TPHCM	31.Văn Hà.	Nông	12/12	Lê Thành Công	Sinh viên
	05.10.2006	BS46154	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		07.07.1977	
						Đỗ Thị Luyện 18.08.1981	
290	Võ Trần Trung Khải	CĐ FPT TPHCM	31.Văn Hà.	Nông	12/12	Võ Trung Tuấn	Sinh viên
	11.08.2006	BS46173	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		09.01.1979	
						Trần Thị Ánh 10.04.1983	
291	Nguyễn Minh Đức	CĐ kinh tế đối ngoại TPHCM	31.Văn Hà.	Nông	12/12	Nguyễn Tới - 12.11.1979	Sinh viên
	10.08.2006	2402717	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Lý Sang - 28.02.1982	
292	Nguyễn Tân Kiệt	CĐ Công nghệ Thủ Đức TPHCM	32.Văn Hà.	Nông	12/12	Nguyễn Thanh Hải - 12.12.1977	Sinh viên
	23.10.2006	24211LD1368	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Phạm Thị Luyện - 20.04.1986	
293	Nguyễn Thanh Trí	CĐ Thương Mại Đà Nẵng	32.Văn Hà.	Nông	12/12	Nguyễn Thanh Tùng - 27.05.1978	Sinh viên
	15.07.2006		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Phạm Thị Tươi - 05.05.1986	
294	Võ Thanh Duy	CĐ Công thương TPHCM	33.Văn Hà.	Nông	12/12	Võ Văn Mạnh - 10.09.1978	Sinh viên
	05.06.2006	2124350088	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Thủy - 05.09.1984	
295	Bùi Nguyễn Thanh Phúc	CĐ kỹ thuật TPHCM	33.Văn Hà.	Nông	12/12	Bùi Thanh Tịnh - 10.09.1979	Sinh viên
	18.07.2006	24613158	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Hồng Viền - 03.08.1978	
296	Trương Quang Huy	CĐ Kinh tế TPHCM	33.Văn Hà.	Nông	12/12	Trương Quang Dư - 01.01.1970	Sinh viên
	18.07.2006	24612062	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Hường - 10.12.1965	
297	Nguyễn Ngọc Khôi	ĐH Sư phạm Đà Nẵng	33.Văn Hà.	Nông	12/12	Nguyễn Thành - 20.11.1973	Sinh viên
	02.11.2006	3180524031	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Hàn Thị Liên - 04.05.1980	
298	Nguyễn Ngọc Chiến	ĐH GTVT	33.Văn Hà.	Nông	12/12	Nguyễn Hồng Cơ - 20.10.1973	Sinh viên
	30.05.2006	51206007274	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Huỳnh Thị Thu Thanh - 10.02.1979	
299	Cao Lê Dũng	ĐH Công thương TPHCM	34.Văn Hà.	Nông	12/12	Cao Văn Hải	Sinh viên
	20.07.2006		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		20.10.1974 Lê Thị Nhị - 06.05.1971	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
300	Lê Quang Hào	CD Bách khoa Sài Gòn	35.Văn Hà.	Nông	12/12	Lê Văn Long	Sinh viên
	02.11.2006	24004055	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		12.02.1982	
						Hồ Thị Thanh Bình - 11.02.1980	
301	Võ Nhật Văn	ĐH Duy tân Đà Nẵng	35.Văn Hà.	Nông	12/12	Võ Thanh Tịnh, 15.05.1980	Sinh viên
	07.01.2006	30214460725	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Trần Thị Kim Trinh, 04.02.1980	
302	Phạm Hoàng Chương	ĐH GTVT	35.Văn Hà.	Nông	12/12	Phạm Chuyển, 01.01.1960	Sinh viên
	17.01.2006	051206005964	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Huỳnh Thị Năm, 16.04.1964	
303	Nguyễn Trần Thái Tuấn	CD công nghệ Công thương	37.Văn Hà.	Nông	12/12	Nguyễn Phi Hùng - 11.10.1983	Sinh viên
	08.12.2006	2124170077	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Trần Thị Thao - 24.04.1986	
304	Nguyễn Quốc Trí	ĐH văn Hiến	37.Văn Hà.	Nông	12/12	Nguyễn Quốc Đạt - 1982	Sinh viên
	28.08.2006	241A020041	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Phạm Thị Thanh Yên -25.02.1981	
305	Lê Quang Phúc	ĐH Khoa học tự nhiên	31.Văn Hà.	Nông	12/12	Lê Nghĩa, 31.12.1958 (c)	Sinh viên
	11.04.2005	23127102	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Phan Thị Kim Chung, 31.12.1967	
306	Bùi Thiên Huy	CD GTVT	31.Văn Hà.	Nông	12/12	Bùi Hoang, 10.07.1980	Sinh viên
	26.11.2005	2321160013	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Vương Thị Thủy Hằng, 20.10.1983	
307	Nguyễn Tấn Đạt	CD GTVT	31.Văn Hà.	Nông	12/12	Nguyễn Phú, 20.11.1975	Sinh viên
	22.02.2005		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Kim Hạnh, 28.02.1977	
308	Phạm Phúc Thiện	CD Kinh tế TPHCM	31.Văn Hà.	Nông	12/12	Phạm Sơn Triều, 31.12.1981	Sinh viên
	17.04.2005		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Diễm, 13.12.1981	
309	Trần Minh Tiến	CD FPT	32.Văn Hà.	Nông	12/12	Trần Minh Thanh, 01.01.1977	Sinh viên
	22.08.2005	BS40425	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Lệ, 12.10.1981	
310	Nguyễn Văn Duy 19.12.2005	CD Công thương	33.Văn Hà.	Nông	12/12	Nguyễn Cư, 12.12.1979	Sinh viên
		2123200190	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Lê Thị Trung, 20.02.1985	
311	Nguyễn Ngọc Duy Bảo	ĐH Công nghệ thông tin	33.Văn Hà.	Nông	12/12	Nguyễn Ngọc Văn, 20.12.1964	Sinh viên

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
311	02.5.2005	23520124	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Vương Thị Bích Thu	Sinh viên
312	Trần Hồng Phát	CĐ kỹ thuật Cao Thắng	34.Văn Hà.	Nông	12/12	Trần Tấn Sỹ, 03.6.1976	Sinh viên
	28.12.2005	461231115	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Phạm Thị Lân, 01.01.1977	
313	Phạm Ngọc Tiên	ĐH Gia Định	35.Văn Hà.	Nông	12/12	Phạm Văn Hòa,	Sinh viên
	18.03.2005		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		15.7.1972 Phạm Thị Thanh Sương, 25.10.1974	
314	Lê Nguyễn Đức Tài	ĐH Phạm Văn Đồng	35.Văn Hà.	Nông	12/12	Lê Minh Hưng, 24.6.1978	Sinh viên
	19.3.2005	D23140209018	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Thanh Thảo, 25.8.1982	
315	Phạm Nguyễn Thanh Bạch 24.10.2005	ĐH Công nghệ TPHCM	35.Văn Hà.	Nông	12/12	Phạm Đắc Lợi, 17.12.1977	Sinh viên
		23713261	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Kim Yến, 19.12.1981	
316	Lưu Nguyễn Anh Tuấn 19.09.2005	ĐH Gia đình tpHCM	36.Văn Hà.	Nông	12/12	Lưu Tấn Vinh, 21.12.1983	Sinh viên
		23030076	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Huyền, 10.08.1984	
317	Nguyễn Xuân Trường	ĐH mở TPHCM	34.Văn Hà.	Nông	12/12	Nguyễn Ngọc Hằng (Hoàng), 21.11.1974	Sinh viên
	12.04.2004	2251022119	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Phạm Thị Duyên, 01.01.1978	
318	Nguyễn Hữu Bằng	ĐH sư phạm TPHCM	36.Văn Hà.	Nông	12/12	Nguyễn Sơn, 05.05.1977	Sinh viên
	22.03.2004	48.01104011	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Như Huệ, 24.06.1982	
319	Nguyễn Minh Đức	ĐH Ngân hàng TPHCM	32.Văn Hà.	Nông	12/12	Nguyễn Ly, 20.4.1966	Sinh viên
	17.08.2004	30238220039	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Phạm Thị Dung, 10.01.1972	
320	Phan Thanh Đạt	ĐH Huế	35.Văn Hà.	Nông	12/12	Phan Thanh Đình, 18.10.1978	Sinh viên
	09.10.2004		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Kiều, 20.11.1983	
321	Phạm Công Chính	ĐH sư phạm kỹ thuật	34.Văn Hà.	Nông	12/12	Phạm Công Hùng, 14.04.1975	Sinh viên
	12.04.2004	22149006	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Trịnh Thị Thanh Thành, 20.02.1976	
	Lê Nguyễn Ngọc Trọng	ĐH công nghiệp	33.Văn Hà.	Nông		Lê Văn Tú,	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
322	10.12.2004	ĐH Công nghiệp thực phẩm	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	12/12	10.4.1964 Nguyễn Thị Cư, 01.01.1968	Sinh viên
323	Huỳnh Sĩ Thiện 28.02.2004	ĐH Tây Nguyên 22404022	32.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Huỳnh Sĩ Tồn, Nguyễn Thị Hiền, 02.09.1975	Sinh viên
324	Nguyễn Lê Khiêm 25.06.2004	ĐH công nghệ TP HCM 2288900154	33.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Tấn Hoàng, 05.10.1971 Lê Thị Huyền, 04.11.1975	Sinh viên
325	Phan Minh Thuận 17.04.2004	HV Hàng không VN 2255130022	33.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phan Thu, 20.5.1971 Huỳnh Thị Vân, 28.3.1972	Sinh viên
326	Lê Thanh Phong 18.06.2004	ĐH Văn Lang 2.2751E+12	37.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Văn Đồng, 10.10.1974 Nguyễn Thị Đan Thanh, 05.02.1978	Sinh viên
327	Nguyễn Lê Khánh Huy 10.08.2003	ĐH Bách khoa TP HCM 2113512	32.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Tấn Phát, 04.01.1975 Lê Thị Hồng Liên, 01.01.1980	Sinh viên
328	Trần Vĩnh Hưng 26.8.2003	ĐH Sài Gòn 3121490027	35.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Văn Càng Nguyễn Thị Hường, 20.6.1984	Sinh viên
329	Phạm Nhật Huy 20.11.2001	CĐ Lý Tự Trọng 24003954	32.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Huy Thông, 10.5.1976 Nguyễn Thị Thu Thủy, 08.4.1979	Sinh viên
330	Nguyễn Ngọc Duy Phương 01.05.2007	ĐH CÔNG NGHIỆP HCM 878470105	21.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Thanh Hùng 1969 Nguyễn Thị Bình 1972	Sinh viên
331	Trịnh Danh Nhân 12.12.2007	CĐ KT CAO THẮNG 303251387	21.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trịnh Thanh Luyện 1979 Nguyễn Thị Thủy Doanh 1986	Sinh viên
332	Bùi Nhật Minh 10.10.2006	ĐH Bách khoa Đà Nẵng 110240167	15.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Bùi Viết Hân 03.12.1972 Lê Thị Hồng	Sinh viên

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	36 -Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ		
333	Nguyễn Minh Quân 23.07.2006	CĐ Quốc tế TPHCM Fo62414A0001	15.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	05.04.1977 Nguyễn Khai - 02.06.1968 Nguyễn Thị Thu Thủy -	Sinh viên		
	Lương Gia Kiệt 03.06.2006	CĐ Công thương TPHCM 2124170192	15.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không		12/12		Lương Văn Lạc - 20.10.1977 Trịnh Thị Kim Phúc - 12.125.1982	Sinh viên
	Cao Thiên Vĩ 13.06.2006	ĐH hành chính quốc gia TPHCM 2405QTVG059	15.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không		12/12		Cao Tín - 22.07.1973 Nguyễn Thị Thu Trang - 20.10.1980	Sinh viên
336	Phạm Hồng Thường 26.06.2006	CĐ GTVT TPHCM 24CD1-244	15.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Văn Cư 20.08.1966 Nguyễn Thị Bích - 14.07.1977	Sinh viên		
	Võ Thanh Kiệt 15.08.2006	CĐ Lý Tự trọng 24003885	17.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không		12/12		Võ Thanh Lâm - 04.04.1974 Phạm Thị Thanh Trang - 11.06.1985	Sinh viên
338	Nguyễn Đức Nhật Khang 08.03.2006	ĐH kinh tế TPHCM 31241027251	18.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Đức Tươi - 10.10.1976 Nguyễn Thị Quỳnh Khuyên- 02.01.1979	Sinh viên		
	Võ Lê Văn Trinh 15.02.2006	ĐH GTVT	21.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không		12/12		Võ Phương, 10.10.1972 Lê Thị Thủy Kiều, 25.03.1976	Sinh viên
340	Võ Tấn Hồng 13.09.2006	ĐH Nguyễn Tất Thành 2400006419	18.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Võ Mèo 10.10.1975 Lê Thị Mỹ Ly 03.05.1983	Sinh viên		
	Nguyễn Khánh Duy 03.10.2006	CĐ Kỹ thuật Cao Thắng TPHCM 0461241107	19.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không		12/12		Nguyễn Duy Khương - 05.10.1980 Nguyễn Thị Ngo - 10.10.1978	Sinh viên
342	Phạm Minh Lực 10.03.2006	ĐH Công thương TPHCM	20.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Cứ - 16.10.1976 Phạm Thị Trường - 12.04.1976	Sinh viên		
343	Trần Đức Hào 08.10.2006	CĐ kỹ thuật Cao Thắng 0467241158	20.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Đức Hoàng -12.10.1975 Bùi Thị Thanh Dung -23.08.1979	Sinh viên		
	Nguyễn Ngọc Lưỡng	ĐH Luật Hà Nội	21.Châu Me.	Nông		Nguyễn Ngọc Hùng, 02.09.1978			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
344	01.01.2006	ĐH Luật Học 24A5020525	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Thị Huệ, 01.01.1982	Sinh viên
345	Nguyễn Tấn Phát 05.03.2005	ĐH FPT Đà Nẵng DE191074	17.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Chút, 02.5.1967 Nguyễn Hải Thu Linh, 24.11.1976	Sinh viên
346	Phạm Tiến Đạt 09.04.2005	CĐ Kỹ Thuật - Cao Thắng 466231015	20.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Văn Nguyễn, 10.11.1977 Nguyễn Thị Ngọc Bích, 27.01.1985	Sinh viên
347	Bùi Tiến Vỹ 27.05.2005	ĐH GTVT 051205007212	21.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Bùi Cứ, 01.01.1966 Nguyễn Thị Thu Ánh, 01.6.1975	Sinh viên
348	Võ Ngọc Hòa 15.06.2005	CĐ kinh tế đối ngoại 2301693	21.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Võ Ngọc Anh, 1967 Bùi Thị Lê, 1969	Sinh viên
349	Võ Ngọc Hiếu 19.10.2004	ĐH khoa học tự nhiên	20.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Võ Minh Thanh Lê Thị Kim Dung, 05.10.1972	Sinh viên
350	Lưu Ngọc Thân 23.08.2004	ĐH Phạm Văn Đồng D23510201032	15.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lưu Văn Cường, 01.02.1977 Nguyễn Thị Kim Chi, 03.02.1977	Sinh viên
351	Phạm Văn Nghĩa 18.01.2004	ĐH Mở TPHCM 2254112049	16.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Văn Học, 18.10.1981 Nguyễn Thị Luyến, 25.10.1983	Sinh viên
352	Nguyễn Văn Dũng 04.6.2004	ĐH Văn Hiến TPHCM 221A010306	17.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Đến, 12.6.1976 Nguyễn Thị Như Yến, 12.7.1978	Sinh viên
353	Võ Trương Minh Phương 16.07.2004	ĐH ngân hàng TPHCM	17.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Võ Bá Hùng, 02.11.1966 Trương Thị Thu Nguyệt, 29.11.1968	Sinh viên
354	Phan Vũ Linh 09.02.2004	ĐH công nghệ Sài Gòn	18.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phan Đình Thư 20.6.1975 Phạm Thị Dư, 11.11.1975	Sinh viên
355	Phạm Ngọc Trai 21.09.2004	ĐH công nghệ TPHCM 2280603326	20.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Ngọc Tín, 18.10.1969 Nguyễn Thị Thanh Xuân, 10.02.1969	Sinh viên

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	38 -Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
356	Nguyễn Phước Trọng 03.04.2004	ĐH kinh tế Luật	21.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Phước Châu, 28.04.1973 Trần Thị Ngọc Tính, 10.10.1974	Sinh viên
357	Phạm Minh Hiền 06.08.2003	ĐH Huế	15.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Minh Việt 25.3.1973 Đinh Thị Phương Dung, 30.12.1978	Sinh viên
358	Trần Đức Huy 29.01.2003	ĐH Bách khoa Đà Nẵng 101210218	20.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Đức Hoàng, 31.12.1980 Bùi Thị Thanh Dung, 22.8.1979	Sinh viên
359	Nguyễn Phước Thái 07.06.2003	ĐH Duy Tân Đà Nẵng	20.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Phước Thành, 13.02.1971 Trần Thị Sương, 31.12.1973	Sinh viên
360	Võ Phi Thường 23.02.2006		4/ Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	08/12	Võ Phi Dũng 1/1/1982 Nguyễn Thị Kim Chi 7/10/1984	Cận 3,5 độ
361	Đoàn Văn Toàn 22.01.2006		7/ Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Đoàn Văn Sĩ Nguyễn Thị Bích	5T đứt dây chằng gối trái
362	Trương Công Tốt 02.02.2006		7/ Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Trương Công Trí 10/20/1984 Phạm Thị Nở 8/16/1986	6 Cận loạn 6 độ
363	Nguyễn Thành Chương 11.04.2005		1/ Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Nguyễn Thanh Phong 5/4/1971 Huỳnh Thị Ty 4/20/1970	6 cận loạn 5 độ
364	Lê Văn Quê 3/10/2005		5/ Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Lê Văn Đà 10/5/1980 Huỳnh Thị Mỹ Hương 10/24/1983	6 cận loạn 1 độ
365	Châu Văn Tài 22.05.2005		7/ Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Châu Cư 4/19/1974 Lê Thị Lang 4/17/1974	4 gai cột sống
366	Huỳnh Văn Phòng 3.10.2004		6/ Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Huỳnh Đới 10.10.1978 Dương Thị Loan 20.1.1981	6 cận loạn, loạn 4 độ

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
367	Ngô Thành Đạt		5/ Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông	09/12	Ngô Thanh Bình	4 viêm xoang
	21.2.2004			Phụ thuộc		16.2.1975	5 viêm xoang sàn mạn
				Kinh, không		Trần Thị Minh Hương	
368	Nguyễn Mậu Quốc Việt		4/ Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông	09/12	Nguyễn Mậu Thiệu	1m75, 98kg
	26.8.2004			Phụ thuộc		6.9.1979	5 BMI 32
				Kinh, không		Phạm Thị Mỹ Hoanh	
369	Nguyễn Mậu Đại Việt		7/ Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông	09/12	Nguyễn Mậu Mẫn	4 sỏi thận đã mổ
	24.12.2004			Phụ thuộc		20.10.1970	
				Kinh, không		Đoàn Thị Kim Kiều	
370	Ngô Bàn		5/ Tú Sơn 1	Nông	12/12	Ngô Bàn 7.7.1972	3 loạn 1d
	10/11/2004			Phụ thuộc		Huỳnh Thị Vui	
				Kinh, không		9/2/1974	
371	Nguyễn Đình Cường		5/Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Đình Biên	4 tri ngoại
	02.8.2003			Phụ thuộc		Ngô Thị Sa	
				Kinh, không			
372	Nguyễn Mậu Anh Khoa		1/Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Mậu Tiết 7/8/1973	4Cân nặng
	29.03.2003			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Tuyết Nhung	4Vòng ngực
				Kinh, không		6/16/1979	4 Răng
373	Trần Thuận		4/Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông	12/12	Trần Thông 2/9/1974	40kg, vòng ngực 72
	03.02.2003			Phụ thuộc		Trương Thị Thủy Lễ 8/1/1976	Thê lực
				Kinh, không			vòng ngực
374	Nguyễn Ngọc Thái		3/Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Ngọc Sáu	6 vòng ngực, gãy xương
	16.05.2003			Phụ thuộc		5/19/1965	
				Kinh, không		Lê Thị Thủy	
375	Bùi Duy Khanh		4/Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông	09/12	Bùi Sơn	6 cận loạn 2 độ
	21.09.2003			Phụ thuộc		1/10/1964	395889565
				Kinh, không		Lê Thị Kim Hoa 1/11/1976	
376	Nguyễn Mậu Chánh		1/Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Mậu Ngọc 26/3/1975	Cận 5 đ
	1/10/2003			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Kim Cúc	
				Kinh, không			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
377	Nguyễn Trung Phi 3/6/2003		4/Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Trung 6/8/1974 Nguyễn Thị Hoa 1976	2 mắt cận 3 đ
378	Phạm Dũng 23.12.2002		4/ Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Mẫn 1968 Đỗ Thị Ngai 1968 Nguyễn Mậu Phương	4 viêm xoang mt
379	Nguyễn Mậu Huy 02.02.2002		4/ Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	1970 Hà Thị Bích Hà 05.7.1974	3 loạn 1 đ
380	Nguyễn Mậu Hùng 04.12.2002		4/Tú Sơn 1	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Mậu Hải 16.5.1975 Phạm Thị Luận 2.10.1977	3 loạn 1 đ
381	Cao Minh Thuận 24.01.2002		1 / Tú Sơn 1 / Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Cao Thơm 20.4.1974 Nguyễn Thị Thu Hà 13.5.1975	6 thị lực 4/10
382	Phan Thanh Phô 16.11.2002		6/ Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Phan Thanh Phong 21.10.1981 Phan Thị Phường 16.10.1982	trach, huyết áp, dây chằng ảnh hưởng Động vi loại
383	Nguyễn Mậu Hoài Nam 13.11.2002		1 / Tú Sơn 1 / Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Nguyễn Mậu Mỹ 05.06.1969 Lê Thị Xuân Thu 03.02.1974	5 Mạch, ra mồ hôi tay
384	Nguyễn Mậu Khải 25.7.2002		1 / Tú Sơn 1 / Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Nguyễn Mậu Tân 08.9.1976 Đinh Thị Kim Anh 22.10.1980	6 cận 5 độ
385	Nguyễn Mậu Trường Vũ 26.10. 2002		1 / Tú Sơn 1 / Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Nguyễn Mậu Thủy 03.11.1962 Nguyễn Thị Dư 02.01.1968	4 viêm xoang, 5 u xương ác
386	Trần Minh Khoa 3.8.2002		7/ Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Trần Minh Chí 03.12.1974 Nguyễn Thị Thùy Hoanh 05.05.1975	6 cận loạn 2 bên
387	Nguyễn Đình Sang 08.02.2002		4/Tú Sơn 1, Lân Phong	Nông Phụ thuộc	09/12	Nguyễn Đình Cao Trần Thị Lãi	6 cận loạn 2 mắt (3 độ)

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
388	Nguyễn Văn Kiên 20.10.2001		5/ Tú Sơn 1/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Nguyễn Ut 1/1/1969 Nguyễn Thị Tuất 10/30/1970	2 mắt (5 độ) 6 cận loạn 2 bên, rối loạn sắc giác
389	Đỗ Anh Dũng 21.12.2001		7/ Tú Sơn 1/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Đỗ Anh Quang 1/1/1976 Nguyễn Thị Lợi 4/10/1978	6 loạn 2,5
390	Trần Nguyễn Thiên Hải 07.5.2001		4/ Tú Sơn 1/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Trần Trường Sơn 3/2/1973 Phan Thị Hồ Thủy 1975	6 cận loạn 2,5đ
391	Phạm Nguyễn Quang Trường 10.10.2001		3/Tú Sơn 1, Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	09/12	Phạm Nghĩa Nguyễn Thị Sương	6 cận loạn 2 đ
392	Nguyễn Quang Phú 12.10.2001		3 / Tú Sơn 1 / Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12	Nguyễn Trung 1966 Nguyễn Thị Hoàng 328861039	3 cận 1,5 4 tình hoàn ẩn
393	Nguyễn Bình Phước 20.03.2001		5/ Tú Sơn 1/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 CĐ	Nguyễn Văn Em 1972 Bùi Thị Đào 1979	6 mắt, thị lực
394	Nguyễn Mậu Hoàng Vũ 04.9.2001		7/Tú Sơn 1, Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	09/12	Nguyễn Mậu Bích Trí 2.10.1969 Nguyễn Thị Phương 16.7.1966	4 Trĩ hỗn hợp
395	Châu Hay 05.02.2001		7/ Tú Sơn 1/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	ĐH	Châu Bé 5/6/1969 Phạm Thị Lân 12/10/1979	5 hen phế quản
396	Nguyễn Mậu Hiếu 21.9.2000		7/Tú Sơn 1/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	09/12	Nguyễn Mậu Nông Nguyễn Thị Trường 935278810	Cận 4 độ
397	Nguyễn Mậu Thanh Hoàng 06.8.2000		2 / Tú Sơn 1/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	ĐH	Ng. Mậu Thanh Vinh 10/10/1976 Nguyễn Thị Hoa 3/7/1975	6 viêm da
398	Trần Trung Thảo 20.7.2000		5/ Tú Sơn 1/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Trần Trọng Tấn Nguyễn Thị Đa	6 mắt, cận 4,5 độ

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
399	Lê Quang Hân 16.12.2000		6/ Tú Sơn 1/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Lê Thị Thu Huyền Trần Trọng	4,5 độ 6 cân nặng 39kg
400	Lê Văn Long 04.6.2000		6/Tú Sơn 1/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 CĐ	Lê Văn Lai Lâm Thị Xuân Phương	4 ra mồ hôi tay
401	Nguyễn Hoàng Tú 11/9/2000		5/ Tú Sơn 1/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 CĐ	Nguyễn Đình Nu Nguyễn Thị Bé	5 u xương
402	Nguyễn Văn Bằng 20.6.2000		1 / Tú Sơn 1 / Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Nguyễn Văn Công 7/10/1973 Trần Thị Thu Huyền 6/10/1972	6 chiều cao, cao 1,50m
403	Nguyễn Văn Sơn 10.02.2000		5/Tú Sơn 1/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 CĐ	Nguyễn Văn Thanh Nguyễn Thị Bé Lê	4 vết xoang hàm,5
404	Nguyễn Mậu Trọng 08.7.2000		7/ Tú Sơn 1/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Nguyễn Mậu Mẫn 10/20/1970 Đoàn Thị Kim Kiều 3/15/1970	HA BMI 24 6 huyết áp
405	Bùi Trương Thành Đạt 06.5.1999		5/ Tú Sơn 1 / Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Bùi Văn Thiệu 1968 Trương Thị Lộc 1966	6 mắt loạn 1,5 độ
406	Phan Anh Tuấn 01.6.1999		7/ Tú Sơn 1/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Phan Tấn Mạnh 1969 Phạm Thị Oanh 1969	5 cận 4đ 348168190
407	Trịnh Bảo Luân 08.05.2006		13b Tú Sơn 2/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	08/12	Trịnh Thuộc Ngô Thị Nương	4 cận 2,5
408	Nguyễn Ngọc Dũng 23.07.2005		9/Tú Sơn 2/Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	09/12	Nguyễn Ngọc Thuận 12/26/1980 Nguyễn Thị Anh 10/30/1985	4 cận 2,5
409	Nguyễn Ngọc Tài 16.06.2005		13a/Tú Sơn 2/ Lâm Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12	Nguyễn Ngọc Linh 15/07/1975 Nguyễn Thị Xuân Trang 5/17/1986	4 gãy xương hàm

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
410	Nguyễn Ngọc Nhật		9/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Ngọc Chiêu	5 viêm amidan
	22.9.2004			Phụ thuộc		10.11.1982	6 Loạn 2 độ
				Kinh, không		Đoàn Thị Phương Danh 9.4.1984	
411	Nguyễn Ngọc Tấn		8/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông	09/12	Nguyễn Ngọc Na	6 cận 5,5
	7.3.2004			Phụ thuộc		25.1.1974	
412	Đỗ Văn Viễn		10/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông	09/12	Nguyễn Thị Vân	5 vỡ lá lách
	9.12.2004			Phụ thuộc		Đỗ Văn Sơn 27.11.1977	
413	Nguyễn Tuấn Huy		13b/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông	12/12	Trần Thị Thu	6 van tim
	6/22/2003			Phụ thuộc		Nguyễn Hoàng 5/8/1975	
414	Lê Anh Tuấn		11b/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Thị Lê Hà	6 van tim
	11/30/2003			Phụ thuộc		18/10/1977	
415	Lê Đức Khôi		11b/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông	12/12	Lê Văn Chương	6 hở van tim
	11/3/2003			Phụ thuộc		Lê Đức Đất 2/2/1972	
416	Nguyễn Nhật Hải Triều		12/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông	CĐ	Nguyễn Thị Hoài	4 cận 3,5
	9/5/2003			Phụ thuộc		1.5.1969	
				Kinh, không		Trần Thị Minh Quảng 19.9.1972	
417	Trần Hoàng Chương		13a/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông	09/12	Trần Huy Trọng	6 cận loạn 2 độ
	20.10.2003			Phụ thuộc		10/3/1976	
418	Lê Nguyễn Tuấn Kiệt		12/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Thị Mỹ Hòa	2 mắt cận 4 độ
	24.09.2002			Phụ thuộc		18/12/1977	
419	Trần Quang Vũ		10/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông	09/12	Lê Minh Vương	6 chấn thương sọ não, gãy cổ
	27.3.2002			Phụ thuộc		5.1.1976	
420	Hà Thanh Hoàn		10/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Thị Anh Thư	4 cận 3,5
	27.3.2002			Kinh, không		18.8.1980	
				Nông		Trần Tân Thành 05.5.1980	
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Kim Huệ	
				Kinh, không		Hà Thanh Huynh 2.2.1968	
				Nông		Nguyễn Thị Chí 7.8.1974	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
421	Trương Thanh Lam 13.10.2002		11a/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Thị Dường 10.8.1966	3 cận 2,5đ
422	Huỳnh Công Hậu 8.8.2002		8/ Tú Sơn 2 / Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Huỳnh Loan 1969 Nguyễn Thị Kim Tuyết 1969	4 thẻ lực,40kg
423	Lê Văn Tùng 12.11.2002		8/Tú Sơn 2, Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Lê Văn Việt 1976 Nguyễn T. Kim Huyền 1983	ở vùng cơ địa, chiều cao, cân nặng/cao
424	Đinh Đức Toàn 17.12.2002		12/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Đinh Tấn Đẹp 01.12.1984 Bùi Thị Thanh Sương 1985	6 cận loạn 2,25 độ
425	Lê Thanh Tiên 26.9.2001		9/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Lê Thanh Tùng 11/15/1980 Đỗ Thị Hiền 8/16/1980	4 cận 3 đ
426	Nguyễn Việt Thuận 30.8.2001		12/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Nguyễn Thái Hòa. 9/5/1956 Nguyễn Thị Yên. 10/4/1964	5 hen
427	Nguyễn Lợi 16.7.2001		8/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Thuận 12/10/1978 Võ Thị Thi 21/7/1977	6 rối loạn phân liệt
428	Nguyễn Hoàng Quân 01.9.2001		12/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	10/12	Nguyễn Rơ Nguyễn Thị Bé Em	6 biến dạng lồng ngực
429	Trần Ngọc Sang 30.3.2001		13a/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Ngọc Niêm1959 Cao Thị Kiều Liên1959	6 loạn 2,75
430	Huỳnh Tân Bình 05.11.2001		10/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Huỳnh Tân1976 Lê Thị Anh Quyên 1979	6 cận loạn 1,75 độ
431	Nguyễn Quốc Tường 21.12.2001		8/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Nguyễn Cẩn 1970 Nguyễn Thị Thương	6 Cận loạn 2 độ
432	Trần Văn Phú Linh 22.02.2001		10/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Trần Văn Nam1968 Võ Thị Thanh Thảo1976	4 cận 3,5 đ

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
433	Phạm Trung Quân 01.01.2000		13b/Tú Sơn 2/ Lân Phong.	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Phạm Văn Bạt Bùi Thị Kim Anh	5 biến dạng lồng ngực
434	Trần Anh Khim 29.6.2000		9/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Trần Văn Được Thân Thị Hiệp	6 cân nặng 39kg
435	Lâm Quang Cảnh 27.3.2000		13a/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Lâm Tấn Quang Trần Thị Thu 384762171	6 Cận 4 độ
436	Trần Minh Cường 14.9.1999		11a/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Trần Minh Cường 9.10197 Nguyễn T.ThanhHuyền. 1.1.1974	3 Loạn 1đ
437	Hà Quang Trường 17.8.1999		9/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Hà Thâu 1972 0977736948 Thiện 1974 Nguyễn Thị	4 răng
438	Bùi Minh Thao 20.4.1999		12/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Bùi Văn Huân 1968 Phạm Thị Ban 1965 Lê Văn Huệ	6 Cận, loạn 2 độ Anh 094244102 0
439	Lê Khánh Hoàng 28.12.1999		11/Tú Sơn 2	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	To Thị Tuyết Nhung	5 viêm xoang sàn mạn
440	Phạm Trương Nhật Tân 05.6.1999		13a/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Phạm Kim Tiên1966 Trương Thị Thu Vân 1972	6 cận 3,5 đ
441	Nguyễn Quang Vương 16.5.1999		9/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Cang 1967 Huỳnh Thị Phấn 1966	3 Cận 3 độ
442	Nguyễn Công Kiệt 06.06.2006		23/Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Nguyễn Công Trứ Lữ Thị Hà	4 cân nặng
	Phạm Ngọc Ân			Nông		Phạm Quốc Hùng	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ	
443	09.01.2005		21/Thạch Trụ Đông/ Phong	Lân	Phụ thuộc Kinh, không	07/12	9/29/1969 Lê Thị Tuyết 4/8/1967	4 cân nặng
444	Lê Thế Phong 27.11.2005		23 /Thạch Trụ Đông/ Phong	Lân	Nông Phụ thuộc Kinh, không	08/12	Lê Hiệu (C) Trần Thị Thủy 1/1/1979	6 vòng ngực, thị lực
445	Nguyễn Đình Lộc 26.2.2004		23/Thạch Trụ Đông/ Phong	Lân	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Đình Đạt 19.5.1980 Phùng Thị Nghĩa 2.12.1981	6 loạn thị 4 độ
446	Trương Tuấn Anh 07.9.2004		21/Thạch Trụ Đông, Lân Phong		Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trương Tấn Phát Trương Thị Vinh	6 mắt loạn 4 độ
447	Lê Tấn Lộc 6/28/2003		20 /Thạch Trụ Đông/ Lân Phong		Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Lê Tấn Tinh 2/4/1977 Phạm Thị Thủy Lai 3/7/1979	5 viêm xoang mạn
448	Phạm Ngọc Tiên 11/13/2003		21 /Thạch Trụ Đông/ Lân Phong		Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Thắng 5/10/1969 Đặng Thị Nguyên 10/10/1972	4 Cận 4,5 đ
449	Nguyễn Trần Phát Tài 12/3/2003		21 /Thạch Trụ Đông/ Lân Phong		Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Luận 9/6/1973 Nguyễn Thị Uyên 3/3/1977	4 cận 3,5
450	Nguyễn Quang Nguyên 20.9.2003		22/Thạch Trụ Đông,Lân Phong		Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	15.4.1979 Nguyễn Thị Bích Thảo 12.12.1981	4 cận 4 độ
451	Phạm Linh 12.5.2002		22/Thạch Trụ Đông/ Phong	Lân	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Phạm Cường 15.4.1976 Đỗ Thị Mẫu Năm 01.10.1976	6 cận loạn 2 độ
452	Bùi Hồng Tín 22.12.2002		20/ Thạch Trụ Đông/ Lân Phong		Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Bùi Hồng Thanh 1977 Văn Thị Quyền 1977	4 viêm xoang hàm mạn
453	Lữ Văn Sơn 18.9.2002		24 /Thạch Trụ Đông/ Lân Phong		Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Lữ Dị 6.8.1970 Huỳnh Thị Xuân Bình	6 mắt sẹo
454	Lê Thành Đạt 27.11.2002		22/ Thạch Trụ Đông/ Lân Phong		Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Lê Tùng 13.11.1974 Đinh Thị Thùy Ngân 10.02.1983	4 mắt đốt ngón tay

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
455	Lê Văn Huy 17.01.2002		14/Thạch Trụ Đông/ Phong	Nông	ĐH	Lê Văn Vong 10.12.1972	4 cận 3 đ
				Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Hà 9.9.1972	
456	Bùi Thanh Vũ 01.6.2002		22/ Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông	09/12	Bùi Sánh 4.4.1966	6 mắt cận 4 độ
				Phụ thuộc Kinh, không		Bùi Thị Trung 21.2.1972	
457	Nguyễn Ngọc Thơ 5.12.2002		24/ Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông	09/12	Nguyễn Ngọc Sô Nguyễn Ngọc Liên	5 mắt cận 3 độ
				Phụ thuộc Kinh, không			
458	Bùi Văn Tây 29.6.2002		22/ Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông	09/12	Bùi Tấn Pháp 10.12.1984	6 Cận 7 d
				Phụ thuộc Kinh, không		Huỳnh Thị Lâm	
459	Nguyễn Đình Toán		22/Thạch Trụ Đông/ Phong	Nông	09/12	Nguyễn Đình Hiên	4 chiều cao, 6 loạn thị 1,5
	13.11.2002			Phụ thuộc Kinh, không		5.7.1976	
						Trần Thị Thu 7.10.1976	
460	Nguyễn Văn Trị 21.7.2001		21/Thạch Trụ Đông/ Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Thanh Bình 20.10.1981	6 loạn thị
				Phụ thuộc Kinh, không		Võ Thị Mỹ Dung 16.6.1981	
461	Trần Thanh Huy 30.8.2001		21/ Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông	12/12	Trần Thanh Bảy 11.12.1966	6 viêm da cơ địa
				Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Lưu 10.6.1969	
462	Huỳnh Công Hậu 10.11.2000		21/Thạch Trụ Đông/ Phong	Nông	ĐH	Huỳnh Đâm 9/2/1970	5 viêm xoang
				Phụ thuộc Kinh, không		Hà Thị Nương 6/5/1977	
463	Võ Hưng 04.6.2001		24/Thạch Trụ Đông	Nông	12/12	Võ Ninh	6 cận loạn 3 độ
				Phụ thuộc Kinh, không		Huỳnh Thị Vân	
464	Lê Tấn Tài 28.02.2001		20/Thạch Trụ Đông/ Phong	Nông	12/12	Lê Tấn Tịnh1977	4 cận, cân nặng
				Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Phạm Thị Thúy Lai1979	
	Phạm Anh Tuấn			Nông		Phạm Đó	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
465	02.6.2001		21/ Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	09/12	1973 Nguyễn Thị Diệp	5 Cận 3,5đ
466	Phan Quang Khải 07.11.2001		21/ Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Phan Phú Phong 1979 Phan Thị Hiệp 1978	5 chiều cao
467	Đinh Công Vĩ 19.3.2001		23/Thạch Trụ Đông, Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Đinh Công Lưu Võ Thị Trịnh	4 trí ngoại 4 cận 3 đ
468	Đinh Duy Hậu 22.11.2001		20/ Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Đinh Duy Hiền Lê Thị Trung	4 ra mồ hôi tay
469	Lê Trung Chiến 25.10.2001		20/Thạch Trụ Đông/ Phong	Lân Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Lê Trung Chinh 5/1/1977 Huỳnh Thị Lục 8/7/1973	5 xoang hàm, dạ dày
470	Nguyễn Đình Hiệu 13.4.2001		21/Thạch Trụ Đông/ Phong	Lân Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Nguyễn Đình Con 11/10/1973 Lữ Thị Xấu 8/10/1974	6 cận loạn 3đ
471	Lê Hữu Phú 29.10.2000		20/Thạch Trụ Đông/ Phong	Lân Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Lê Minh Tiêm 12/19/1970 Nguyễn Thị Minh 12/5/1971	6 HA, loạn thị 2 độ
472	Võ Tỳ Bạc 19.6.2000		20/Thạch Trụ Đông/ Phong	Lân Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Võ Xuân Tí 10/10/1970 Nguyễn Thị Ý 12/22/1972	5 viêm đa xoang
473	Nguyễn Đình Thịnh 04.4.2000		22/Thạch Trụ Đông/ Phong	Lân Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Nguyễn Đình Quya 10/20/1972 Phùng Thị Rồi 10/10/1977	6 cận loạn 2đ
474	Trần Thanh Trí 29.11.2000		21 /Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Trần Xưa Đoàn Thị Kim Liên	6 cận 5đ
475	Nguyễn Trung Hải 04.4.2000		24 /Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Nguyễn Yên Huỳnh Thị Tường	4 viêm xoang hàm mạn
476	Trương Quang Thắng 18.8.2000		20/Thạch Trụ Đông Lân Phong	Nông Phụ thuộc	12/12 CĐ	Trương Hoàng Đinh Thị Bé	5 viêm xoang

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
477	Bùi Văn Khải 13.02.2000		22 /Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Bùi Văn Hải Nguyễn Thị Lệ	5 MẠCH, viêm xoang
478	Lữ Minh Phúc 20.3.2000		24/Thạch Trụ Đông/ Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Lữ Thủ Nguyễn Thị Kiều	4 dị tật bẩm sinh
479	Phạm Quang Huy 02.3.1999		21/ Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/01 CĐ	Phạm Ngọc Nuôi 1968 Phan Thị Lắm 1971	4 mắt, Tri nội Cận 3,5 độ
480	Nguyễn Đình Bản 08.11.1999		21/Thạch Trụ Đông/	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Nguyễn Đình Cơ 1973 Ng. Thị Thu Phương	6 CẬN 5 độ
481	Nguyễn Ngọc Duy 12.07.2006		16/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Nguyễn Ngọc Dư Lê Thị Luyện	6 cận 6 độ
482	Lê Văn Thành Trung 15.02.2006		18a/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Lê Văn Nam 14.12.1982 Nguyễn Thị Kính 26.5.1987	4 đứt gân
483	Phan Trương Trường Huy 02.06.2006		17/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phan Thanh Hân Trương Thị Huệ	4 viêm tai giữa cấp tính
484	Nguyễn Gia Phúc 27.05.2006		18b/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Đức Danh Đình Thị Loan	Gãy ngón tay thuận loại 5
485	Lê Thanh Văn 16.08.2006		19a/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Lê Thanh Hải Châu Thị Thanh Cúc	4 thể lực, cận
486	Nguyễn Đăng Tân Đạt 08.06.2006		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	10/01	Nguyễn Phương Đặng Thúy Hà Trúc Phương	đơn vị loại trả
487	Nguyễn Hồng Kiệt 11.08.2006		16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/01	Nguyễn Hồng Chung Nguyễn Thị Hồng Nguyên	đơn vị loại trả
	Phạm Võ Nhật Tiến			Nông		Phạm Công Tín	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	90 -Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
488	23.12.2005		19a /Thạch Trụ Tây/ Lâm Phong	Phụ thuộc Kinh, không	08/12	11/21/1969 Võ Thị Xuân Đào 10/20/1977	6 cân, loạn 4 độ 925680632
489	Lê Thành Đạt 28.3.2005		17 /Thạch Trụ Tây/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Lê Văn Thu Lê Thị Thanh 8/1/1977	6 cận loạn 2 độ
490	Nguyễn Thanh Tú 27.08.2005		15/Thạch Trụ Tây/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Nguyễn Tùng 7/12/1972 Huỳnh Thị Bé	6 Chấn thương sọ não
491	Nguyễn Quốc Vượng 25.04.2005		18B/Thạch Trụ Tây/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Nguyễn Hùng 6/28/1979 Đặng Thị Luyện 2/10/1967	6 Loạn 1,5 độ
492	Nguyễn Anh Kiệt 11.7.2004		15/Thạch Trụ Tây/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	10/12	Nguyễn Văn Khánh 20.8.1978 Nguyễn Thị Hằng 23.10.1979	Cao 153cm 5 Chiều cao
493	Lâm Hoàng Thống 1.5.2004		18a.Thạch Trụ Tây. Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/01	Lâm Hoàng Thao 16.12.1976 Lê Thị Thu Hà 10.12.1975	CẬN 2Đ
494	Trần Hoàng Phước 23.2.2004		18a/Thạch Trụ Tây/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Văn Thành 1970 Nguyễn Thị Chưa 1965	5 cận 4 d
495	Lê Thanh Sang 1/19/2004		16/Thạch Trụ Tây/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Văn Tâm 1976 Nguyễn Thị Trang 1977	6 mê day mãn tính
496	Lê Đặng Bảo Hà 25.8.2004		19a/Thạch Trụ Tây/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Lê Văn Duân Đặng Thị Tám	6 cận loạn 3 độ
497	Nguyễn Xuân Lộc 03.01.2004		15/Thạch Trụ Tây/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Nguyễn Dương© Nguyễn Thị Xuân Hiệp	6 loạn thị 4 độ
498	Nguyễn Việt Ân 01.04.2003		18b/Thạch Trụ Tây/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc	09/12	Nguyễn Đức Danh 8/10/1977 Đinh Thị Loan	1m57 Nặng 77kg

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
499	Nguyễn Nhật Lâm 22.04.2003		15/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Kinh, không Nông	09/12	8/10/1979	4 BMI 34
				Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Ngà	6 Cận 5 độ
500	Phan So Ny 9/23/2003		19a/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông	12/12	Phạm Ngọc Minh	4 trí ngoại
				Phụ thuộc Kinh, không		377307421	4 cận 3 d
501	Nguyễn Khắc Thọ 28.08.2003		17/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Dũng 18/2/1971	6 BMI 38
				Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Bích Loan 16/3/1971	
502	Trần Mạnh Dũng 10.9.2002		17/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông	12/12	Trần Thanh Lộc	6 rối loạn tâm thần
				Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Dung 16.5.1978	
503	Nguyễn Đức Tuyên 13.11.2002		16/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Đức Thìn 3.8.1976	4 Thẻ lực, mắt loạn 2 đ
				Phụ thuộc Kinh, không		Lê Thị Tuyết Mai 21.11.1981	
504	Lê Văn Tín 13.02.2002		15/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông	12/12	Lê Văn Tâm 16.8.1968	4 răng
				Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Châu Thị Mỹ Tuyên 10.4.1977	
505	Lê Hoàng Minh Nhật 9.8.2002		19a/ Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông	09/12	Lê Thanh Sơn 30.3.1985	5 chiều cao 1m53
				Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Ánh Tuyết	
506	Nguyễn Thanh Phong 16.01.2002		16/ Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông	10/12	Nguyễn Thanh Nhật	4 chiều cao
				Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Minh	1m54
507	Lâm Lý Phú Lộc 08.10.2002		18b/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông	09/12	Lâm Thị Cảnh 1969	6 mắt loạn thị 2 độ
				Phụ thuộc Kinh, không			
508	Đặng Hoàng Lam 24.9/2002		19a/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông	12/12	Đặng Đường	5 cận 3 đ
				Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	12/10/1973 Nguyễn Thị Kim Phở 8/10/1980	
509	Đặng Quốc Việt 15.10.2002		18b/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông	CĐ	Đặng Xí 20/9/1973	6 MẠCH
				Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Cẩm 8/10/1970	
510	Nguyễn Tuấn Cường 29.3.2002		19b/ Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông	09/12	Nguyễn Sừ 1984	5 gãy xương cẳng chân
				Phụ thuộc Kinh, không		Huỳnh Thị Lộc	
	Lê Đặng Hoàng Hà			Nông		Lê Văn Duẩn	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
511	04.02.2001		19a/ Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	09/12	19.5.1976 Đặng Thị Tám 10.8.1978	4 loạn 2 độ
512	Lê Bảo Trục 20.04.2001		19a/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Phạm Thị Hoa 1962	6 loạn thị 1,75 độ
513	Nguyễn Dương Hải 03.11.2001		15/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Nguyễn Thành Văn Ngô Thị Thái Phiến	5 cận 4 độ 9/7/1975
514	Nguyễn Mậu Việt 20.11.2001		18a/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Mậu Đông 20.8.1966 Lâm Thị Mỹ Lệ 2.6.1968	Cận 3 đ
515	Phạm Trọng Thức 10/23/2001		15/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Phạm Văn Tiến 12/24/1962 Huỳnh Thị Thu Hương 11.11.1979	5 viêm xoang
516	Nguyễn Văn Đại 28.9.2001		18B/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Đạt 18.4.1966 Huỳnh Thị Hồng Yến 12.3.1969	6 cận loạn 4,5đ
517	Phạm Nguyễn Hùng Vương 12.10.2001		15/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Nguyễn Thị Thanh Nhân 20.7. 1963	6 CẬN 3,5 Đ
518	Nguyễn Anh Triết 02.04.2001		15/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Nguyễn Bá Toàn 4/2/1964	6 cận loạn 3,75 độ
519	Nguyễn Trọng Bảo 02.6.2001		18b/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Nguyễn Được 5.5.1969 Nguyễn Thị Hồng Lan 10.6.1973	5 cận loạn 2,25
520	Nguyễn Phạm Quang Dũng 17.12.2001		15/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Duy Trung 1971 Phạm Nguyễn Mai Thi 1979	6 cận loạn 3 độ
521	Châu Văn Duy 11.9.2001		18b/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Châu Minh Trình 20.4.1975 Nguyễn Thị Kim Thâu 18.2.1979	Thoái hoá cột sống teo tĩnh hoàn

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
522	Phạm Hoàng Việt 18.5.2001		16/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Đình Luật 1969 Đặng Thị Bích Phương 1966	3 cận 2 đ
523	Phạm Huỳnh Tuấn Kiệt 18.11.2001		15/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Phạm Văn Đông 1975 Huỳnh Thị Kim Kiều 1977	6 cận 3đ
524	Nguyễn Ngọc Hưng 28.9.2001		16/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 Đh	Nguyễn Ngọc Ca Huỳnh Thị Kim Duyên	6 cận loạn 1,5 độ
525	Hoàng Anh Đức 22.7.2001		19b/Thạch Trụ Tây	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Hoàng Mạnh Sỹ Nguyễn Thị Duyên	Cận 9độ
526	Trương Văn Trường 20.9.2001		18a/ Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Trương Văn Trỏ 1979 Dương T. Thanh Truyền	5 gãy xương vai
527	Nguyễn Hoàng Phi Hồng 09.6.2001		15/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Nguyễn Văn Hoàng 1974 Nguyễn Thị Lệ Sa 1976	4 trĩ hỗn hợp Ra mô hôi tay
528	Nguyễn Văn Thành 5.11.2001		19a/ Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Chùng 1975 Phạm Thị Tâm 1977	6 vòng ngực 70
529	Nguyễn Đình Tín 25.01.2001		16/ Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11/01	Nguyễn Đình Quang. Nguyễn Thị Danh	Loạn thị nặng
530	Trần Hoàng Phúc 15.7.2001		18a/ Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Trần Văn Thành 1970 Nguyễn Thị Chưa	6 cận 3,5
531	Võ Gia Huy 10.10.2001		16/ Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Võ Bênh 1970 Nguyễn Thị Mỹ Dung	5 Thị lực
532	Cao Quang Huy 7/29/2001		19a/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Cao Văn Hùng 29.9.1971 Nguyễn Thị Thu Huệ 20.5.1978	4 cận 3,5đô
533	Lâm Hoàng Thắng 23.8.2001		18a/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Lâm Hoàng Thao. 12/16/1976	6 cận loạn

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
533			16a/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Kinh, không		Lê Thị Thu Hà 12/10/1975	3,5 độ
534	Nguyễn Tiến Luật 2/19/2001		16/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Quả 6/1/1969 Nguyễn Thị Bình 10.7.1976	3 cận 1,75
535	Nguyễn Văn Thao 19.10.2001		17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Thanh 25.8.1960	2025 đơn vị trả về
536	Nguyễn Khắc Cường 14.8.2000		16/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Thị Hương 12.8.1958 Nguyễn Khắc Mùi 20.10.1968 Phạm Thị Loan 12.2.1969 962654545	Cận 6 đ
537	Trần Trung Nghĩa 07.02.2000		16/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Trần Trung Tín Nguyễn Thị Hằng 5/20/1975	6 cận loạn 2,75 độ
538	Đặng Thế Lực 25.4.2000		19a/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Đặng Đường 10.12.1973 Nguyễn Thị Kim Phở 10.8.1980	4cận 3 độ
539	Lê Thanh Viễn 31.01.2000		18b/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Lê Quang Trục 3.2.1969 Nguyễn Thị Lưu 19.12.1970	Thận hư, loại trả
540	Đặng Văn Thành Điệp 27.11.2000		18a/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Đặng Dược Trần Thị Kim Anh	6 cận loạn 2 độ
541	Mai Tân Thoai 15.8.2000		18b/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Mai Tấn Khanh Hà Thị Tí	6. hở van tâm
542	Nguyễn Xuân Sang 09.3.2000		18b/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Nguyễn Xuân Thùy Từ Thị Thêm	6 biến dạng xương ức
543	Nguyễn Hoài Thanh 20.10.2000		16/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Nguyễn Tính Nguyễn Thị Mười	6 mắt loạn thị 2,25 độ

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
544	Trịnh Phạm Quang Hải 14.02.2000		15/ Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 CĐ	Trịnh Quang Lâm Phạm Thị Xuân Mai	5 viêm xoang
545	Nguyễn Phước Lai 30.01.2000		16/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Nguyễn Ngọc Hưng 6/15/1968 Phạm Thị Hoàng	5 viêm xoang sàn
546	Nguyễn Hoàng Duy 08.9.2000		18b/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Nguyễn Phôn 8.10.1968 Phan Thị Cẩm Mai	4 cận 3 độ
547	Nguyễn Tấn 28.3.1999		16/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 CĐ	Nguyễn Viên 1969 Nguyễn Thị Lộc 1967	Cận 2,5
548	Nguyễn Vũ Kiên 07.10.1999		16/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 CĐ	Nguyễn Văn Thái 11/9/1975 Phạm Thị Nhỏ	5 viêm xoang 971500815
549	Nguyễn Mạnh Tiến 15.5.1999		16/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 CĐ	1/1/1975 Nguyễn Kim Anh 1968 Trần Thị Nga 1965	4 viêm xoang hàm mạng
550	Nguyễn Đình Ý 07.9.1999		18a/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Nguyễn Đình Oí 1968 Ng T Xuân Thanh 1970	4 mạch, HA
551	Đặng Hữu Thiên 06.7.1999		16/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Nguyễn Ngọc Tố Như 10.7.1976	6 cận loạn 2,5 độ
552	Nguyễn Hữu Quyền 10.6.1999		19a/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Nguyễn Hữu Quỳnh Nguyễn T. Thiên Hương 1970	4 cận 4 d
553	Võ Thành Đạt 15.8.1999		18a/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Võ Chín Đặng Thị Hà 1968	6 MẮT cận 5 độ
554	Nguyễn Hào 05.6.1999		18a/ Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12 ĐH	Nguyễn Hồng 1975 Đoàn Thị Quỳnh 1980	5 tim block hoàn toàn . Đa liễu,

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	96 -Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
555	Thái Hoàng Xuân Vinh 25.10.1999		18a/ Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Thái Xuân Nông Nguyễn Thị Tuyết Cảnh	6 mắt Cận 4 độ
556	Nguyễn Ngọc Dương 22.9.1999		18b/ Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Nguyễn Lin 1976 Nguyễn Thị Phụng 1976	4 viêm xoang hàm mạn 329748163
557	Trần Quốc Khánh 20.5.1999		16/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CĐ	Trần Nam Thanh Võ Thị Ánh 1960 336567379	6 thể lực
558	Nguyễn Lê Anh Tú 19.8.1999		15/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Nguyễn Văn Nam 1966 Lê Thị Hồng Oanh 1970	6 cận loạn 2 độ
559	Nguyễn Anh Khoa 20.8.1999		17/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 ĐH	Nguyễn Văn Sâm Nguyễn Thị Anh Hoa	6 cận loạn 1,75 độ
560	Đỗ Hoàng Nhân 19.09.2003		12.Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Đỗ Nhỏ, 22.3.1973 Nguyễn Thị Hồng Sơn 10.7.1978	Loại 5 viêm xoang
561	Lê Hoàng Thế Duyệt 6/24/2006		12/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Anh Tuấn - 19/02/1976 Nguyễn Thị Ty - 02/10/1981	4 BM 14,7
562	Võ Đức Việt 1/20/2005		10/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Võ Thị Sợi, 05/10/1968	L4 viêm xoang cấp BMI 31,5
563	Huỳnh Trung Phát 4/27/2004		14/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Huỳnh Trung Chiến (c), 10/12/1979 Trương Thị Lâm, 20/03/1982	L5 ĐMI=33
564	Lê Anh Tuấn 1/21/2003		12/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Lê Văn Nga, 10/10/1982 Huỳnh Thị Thắng, 1982	4 Viêm xoang mạn
565	Trần Quang Huy 9/19/2003		11/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11/12	Trần Mùa, 06/7/1975 Võ Thị Hạnh, 09/11/1978	BMI= 31, xoang hàm
566	Cao Thanh Hữu 9/16/2003		38/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	11/12	Cao Bộ, 01/01/1966 Võ Thị Ra, 01/01/1958	L5 Cận, loạn 2 mắt

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
567	Võ Ngô Hữu Phát		38/Lâm Thượng/	Kinh, không Nông	11/12	Võ Văn Hùng, 03/11/1971	loại 2 mất
	3/27/2003		Lân Phong	Phụ thuộc		Ngô Thị Ri, 01/01/1980	L4 Viêm xoang hàm nạm
				Kinh, không			
568	Nguyễn Hoài		9/Lâm Thượng/	Nông	09/12	Nguyễn Kết, 01/01/1962	5 mổ bụng sẹo sâu
	8/19/2003		Lân Phong	Phụ thuộc		Võ Thị Quy, 04/4/1967	vỡ lách
				Kinh, không			
569	Phạm Quang Nam		13/Lâm Thượng/	Nông	CĐ	Phạm Đức, 06/02/1963	Đơn vị trả về vị hờ van tim
	1/12/2003		Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Hoài, 17/11/1967	
				Kinh, không			
570	Nguyễn Lâm Trường		11/Lâm Thượng/	Nông	CĐ	Nguyễn Cường, 01/01/1975	4 mạch 98, cận 2 độ
	6/26/2003		Lân Phong	Phụ thuộc		Hồ Thị Bé, 10/4/1975	
				Kinh, không			
571	Nguyễn Thanh Quyết		12/Lâm Thượng/	Nông	CĐ	Nguyễn Thanh Quang, 31/12/1970	4 Viêm xoang mạn
	1/27/2003		Lân Phong	Phụ thuộc		Trần Thị Mỹ Dung, 05/9/1974	
				Kinh, không			
572	Đinh Văn Thuận		9/Lâm Thượng/	Nông	12/12	Đinh Tri, 10/7/1968	4mạch95,ha 14/8
	2/15/2002		Lân Phong	Phụ thuộc		Trần Thị Ôn, 28/9/1972	
				Kinh, không			
573	Cao Ngọc Trinh		12/Lâm Thượng/	Nông	12/12	Cao Đức, 18/11/1974	đạt nhưng
	9/5/2002		Lân Phong	Phụ thuộc		Phạm Thị Hạng, 07/5/1971	Lên đơn vị khám lại không đạt trả về.
				Kinh, không			
574	Ngô Tường		12/Lâm Thượng/	Nông	09/12	Ngô Thanh, 01/01/1978	
	4/3/2002		Lân Phong	Phụ thuộc		Phạm Thị Thủy, 02/8/1983	L 4 Rối loạn lo âu đã phục hồi
				Kinh, không			khám 2024: Rối loạn lo âu hay tái phát
575	Ngô Trần Tuấn Duy		13/Lâm Thượng/	Nông	12/12	Ngô Đức,	Loại 4 cận
	8/28/2002		Lân Phong	Phụ thuộc		9/1/1975	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	58 -Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
576	Võ Xuân Viết		13/Lâm Thượng/	Kinh, không		Trần Thị Tú Linh, 02/3/1978	5,5 độ
	5/22/2002		Lân Phong	Nông	ĐH	Võ Mười,	Đơn vị trả về L3
				Phụ thuộc		2/16/1972	viêm mũi dị ứng
577	Lê Văn Thương		12/Lâm Thượng/	Kinh, không		Nguyễn Thị Hương, 07/8/1978	
	5/9/2002		Lân Phong	Nông	CD	Lê Văn Chớ, 01/01/1976	Đơn vị trả về L3 chiều cao,
				Phụ thuộc		Phạm Thị Hồng Yến	cân nặng
578	Võ Đức Duy		13/Lâm Thượng/	Kinh, không		Võ Văn Lực, 08/12/1972	
	8/8/2002		Lân Phong	Nông	CD	Trịnh Thị Thìn 12/02/1976	4 Viêm xoang mạn
				Phụ thuộc			
579	Đỗ Quốc Sư		9/Lâm Thượng/	Kinh, không		Đỗ Ngo, 26/3/1979	
	1/15/2002		Lân Phong	Nông	ĐH	Thiều Thị Tý, 20/12/1979	4 gai đôi S1
				Phụ thuộc			
580	Huỳnh Trinh Tiến Phát		12/Lâm Thượng/	Kinh, không			
	10/11/2002		Lân Phong	Nông	ĐH	Trịnh Thị Hiền, 01/01/1975	4 viêm xoang CẬN 2 đ
				Phụ thuộc			
581	Lê Trung Trường		10/Lâm Thượng/	Kinh, không		Lê Cư,	
	12/2/2002		Lân Phong	Nông	ĐH	10/15/1970	4 BM 14.9
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Tiếp, 20/10/1974	
582	Trần Viết Tiến		10/Lâm Thượng/	Kinh, không		Trần Viết Lâm (c)	
	1/19/2001		Lân Phong	Nông	ĐH	Lê Thị Tùng, 08/02/1963	5 mạch
				Phụ thuộc			
583	Nguyễn Tùng		11/Lâm Thượng/	Kinh, không		Nguyễn Văn Bình, 10/6/1964	loại 6
	3/29/2001		Lân Phong	Nông	11/12	Phạm Thị Hoa, 24/4/1972	bệnh sẹo hắc vông mạc
				Phụ thuộc			
584	Đỗ Tân Tùng		38/Lâm Thượng/	Kinh, không		Đỗ Móc, 1972	
	12/10/2001		Lân Phong	Nông	CD	Đỗ Thị Chờ, 02/8/1976	L3 Cận 3,5 Đ
				Phụ thuộc			
585	Nguyễn Thành Chung		12/Lâm Thượng/	Kinh, không		Nguyễn Hải, 17/4/1971	
	11/4/2001		Lân Phong	Nông	CD	Nguyễn Thị Bé, 05/4/1975	L4 Viêm xoang hàm nam
				Phụ thuộc			
				Kinh, không			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
586	Lê Duy Khánh 12/2/2001		13/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Lê Thị Bé, 05/7/1970	L6 Cận loạn 2 mắt
587	Trần Bình Chương 4/16/2001		12/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Trần Mùa, 06/7/1975 Võ Thị Hạnh, 09/11/1978	loại cận 2 mắt: 3 độ
588	Ngô Văn Linh 5/21/2001		38/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Ngô Văn Em, 6/14/1976	cận 2 mắt P:6, T5,5 độ
589	Vô Nguyên Thiện 5/9/2001		12/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Vô Tấn, 25/10/1969 Lê Thị Sim, 10/10/1968	verino bụng làm sẹo, cận loạn 2 mắt
590	Phạm Tiến Hồi 5/4/2001		38/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Phạm Đạt, 20/6/1972 Đoàn Thị Hiến, 06/4/1972	4 viêm xoang hàm mãn tính
591	Lê Ánh Dương 9/2/2000		12/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Thị Thu Hương, 01/02/1983	4 BM 31.5
592	Ngô Văn Quyết 12/8/2000		11/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Ngô Văn Tân, 9/18/1978	L3 mắt cận 3,5 độ
593	Nguyễn Trường Khả 12/20/2000		14/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Thị Nga, 03/01/1978 Nguyễn Kể, 10/10/1973	cận 3 độ
594	Lê Đăng Thiên Phúc 11/22/2000		10/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Thị Thanh, 20/02/1980 Lê Mạnh Tân, 9/15/1960	L3 Gãy chân gối phải
595	Võ Xuân Hoàng 6/23/2000		13/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Đặng Thị Châm, 09/02/1961 Võ Văn Nin, 15/7/1975 Huỳnh Thị Mười, 20/6/1978	L6 Sẹo vòng mạc
596	Huỳnh Hữu Thọ 2/3/2000		14/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	ĐH	Huỳnh Văn, 4/5/1964	L6 cận, loạn

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
597	Nguyễn Quang Hoàng Vũ		10/Lâm Thượng/	Kinh, không Nông	ĐH	Cao Thị Nguyên, 01/01/1970 Nguyễn Ngọc Sơn, 17/10/1969	
	12/8/2000		Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Linh, 27/02/1969	cận 2 mắt P: 2,75, T: 2,5 độ
598	Lê Thành Tín		12/Lâm Thượng/	Kinh, không Nông	ĐH	Lê Tấn Thành, 02/02/1970	
	3/11/2000		Lân Phong	Phụ thuộc		Trần Thị Nường, 20/11/1975	5 mạch nhịp nhanh 149 lần
599	Võ Văn Đạt		13/Lâm Thượng/	Kinh, không Nông	ĐH	Võ Nào,	
	8/9/2000		Lân Phong	Phụ thuộc		12/6/1969	4 mạch, 2 mắt cận 2 độ
600	Trần Ngọc Thiện		14/Lâm Thượng/	Kinh, không Nông	ĐH	Nguyễn Thị Bi, 25/6/1970	
	2/14/2000		Lân Phong	Phụ thuộc		Trần Ngọc Toan, 03/3/1965	: cận loạn 2 mắt
601	Đinh Văn Thao		9/Lâm Thượng/	Kinh, không Nông	ĐH	Cao Thị Lai	
	11/27/1999		Lân Phong	Phụ thuộc		, 20/11/1968	
						Đinh Trị, 10/7/1968	mắt cận 1,75 độ
602	Trần Như Thiên		11/Lâm Thượng/	Kinh, không Nông	ĐH	Trần Thị Ôn, 28/9/1972	
	7/7/1999		Lân Phong	Phụ thuộc		Trần Lem,	
						1/1/1971	L4 Công vẹo cột sống
603	Đỗ Hoàng Phước		14/Lâm Thượng/	Kinh, không Nông	ĐH	Huỳnh Thị Hạnh, 26/8/1976	
	4/21/1999		Lân Phong	Phụ thuộc		Đỗ Bích, 20/02/1969	
						Nguyễn Thị Thu, 04/6/1973	L5 Mạch, huyết áp: L5 Mạch, huyết áp 115 lần/ phút
				Kinh, không			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
604	Huỳnh Công Tấn		3/ Lâm Hạ/	Nông	11/12	Huỳnh Văn Đạo, 1983	Năm 2023 chế tạo pháo
	1/9/2007		Lân Phong	Phụ thuộc		Trần Thị Nguyễn, 1986	cụt ngón trỏ tay phải
				Kinh, không			
605	Nguyễn Quốc Chí		8/ Lâm Hạ/	Nông	12/12	Nguyễn Nhỏ - 16/04/1972	5 cận 4 độ
	11/12/2006		Lân Phong	Phụ thuộc		Phùng Thị Hồng - 01/01/1973	
				Kinh, không			
606	Nguyễn Hoài Sa		1/ Lâm Hạ/	Nông	12/12	Nguyễn Ngọc Hoàng, 22/10/1982	cận 2 mắt, IBM 31
	11/24/2005		Lân Phong	Phụ thuộc		Trần Thị Bình, 16/08/1983	
				Kinh, không			
607	Phạm Minh Quyết		5/ Lâm Hạ/	Nông	09/12	Phạm Ngọc Lai, 10/10/1977	6 loạn thị 2 mắt 4,75 độ
	4/2/2005		Lân Phong	Phụ thuộc		Phạm Thị Dung, 23/11/1979	
				Kinh, không			
608	Phạm Thây		5/ Lâm Hạ/	Nông	12/12	Phạm Ban, 05/3/1973	L4 cận 2 độ
	6/20/2004		Lân Phong	Phụ thuộc		Cao Thị Thơ, 01/01/1980	
				Kinh, không			
609	Võ Hoài Nam		7/ Lâm Hạ/	Nông	12/12	Võ Ly, 01/01/1973	L4 Cận 2,75 Đ
	9/4/2004		Lân Phong	Phụ thuộc		Trần Thị Châu, 05/6/1978	
				Kinh, không			
610	Đỗ Phan Văn Thiên		5/ Lâm Hạ/	Nông	10/12	Phan Thị Kiêm, 05/6/1978	L6 cận loạn 2 mắt
	2/5/2004		Lân Phong	Phụ thuộc			
				Kinh, không			
611	Hồ Đức Phước		5/ Lâm Hạ/	Nông	09/12	Hồ Thị Kim Long, 12/10/1982	L6 Biến dạng xương ức
	8/25/2004		Lân Phong	Phụ thuộc			
				Kinh, không			
612	Nguyễn Thanh Hải		8/ Lâm Hạ/	Nông	12/12	Nguyễn Lo, 4/6/1974	L6 Mất đoạn xương
	6/20/2004		Lân Phong	Phụ thuộc		Võ Thị Phước, 08/11/1978	
				Kinh, không			
613	Võ Văn Kiệt		8/ Lâm Hạ/	Nông	09/12	Võ Minh Hùng, 12/12/1980	trĩ ngoại 1 búi,
	1/11/2004		Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Ly, 01/01/1980	4 dây sừng bàn chân
				Kinh, không			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
614	Phạm Tấn Kiệt 1/20/2003		4/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Phạm Sinh, 12/10/1966 Nguyễn Thị Thuý Ai, 03/9/1980	5mạch 95, ha150/90
615	Võ Hoài Phong 5/18/2003		6/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Võ Ly, 1/1/1973 Trần Thị Châu, 05/6/1978	2 cận 2 độ
616	Lê Nhật Quan 2/2/2003		6/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Lê Ngọc Võ, 16/02/1972 Phan Thị Luyện, 02/02/1978	Khám 2025 - 5 viêm xoang mạn
617	Nguyễn Hồ Văn Hòa 5/29/2003		8/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Văn Đức, 28/4/1967 Hồ Thị Thuý, 05/5/1973	cận 2,5 độ
618	Trần Trọng Khiêm 2/1/2003		22/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	07/12	Trần Dũng (c), 1969 Phạm Thị Xuân Bình, 20/10/1969	BMI= 33
619	Trần Minh Tú 9/13/2002		2/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Trần Biều, 12/20/1975 Nguyễn Thị Yên, 06/10/1978	4 trĩ 2 búi
620	Nguyễn Văn Sang 12/1/2002		4/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Thiên Sơn, 11/10/1976 Nguyễn Thị Tám	Tai nạn giao thông mô não 2019
621	Nguyễn Phi Hùng 6/6/2002		1/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Ngọc Tươi, 09/11/1976 Trần Thị Thúy Kiều, 16/7/1977	loại 6 biến dạng xương ức bẩm sinh
622	Phan Văn Hậu 12/12/2002		7/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Phan Chút, 1/1/1967 Phạm Thị Hương, 10/11/1972	4 chiều cao, trĩ hỗn hợp nhiều búi
623	Nguyễn Ngọc Hưng 9/8/2002		8/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Được, 08/3/1966 (c) Nguyễn Thị Thu Lan, 10/7/1973	cận loạn 2 mắt
624	Thạch Cảnh Tiên 12/9/2002		5/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Thạch Cảnh Thành, 22/6/1976 Lê Thị Thủy, 10/5/1977	2 mắt cận 2,5 độ

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
625	Trịnh Minh Hiếu 11/4/2001		2/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Trịnh Nhỏ, 2/10/1972 Nguyễn Thị Hồng Duyên, 26/01/1976	Đạt, ES viêm mũi dị ứng. Lên đơn xin tuyển
626	Hồ Văn Khôi 3/13/2001		8/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Hồ Thị Kim Liên, 01/03/1969	loại 5 (cận 2 mắt 4độ) loại năm sau.
627	Phạm Ngọc Vô 11/16/2001		8/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Phạm Văn Lộc, 18/10/1967 Nguyễn Ngọc Cân, 20/02/1970	loại 6 cận 2 mắt 5/10
628	Hồ Văn Huân 6/20/2001		8/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Hồ Văn Nhất, 20/10/1973 Nguyễn Thị Nở, 01/01/1977	Khám 2021, cận 3 độ
629	Phạm Trung Kiên 1/14/2001		4/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Phạm Sinh, 12/10/1971 Nguyễn Thị Thúy Ái, 03/9/1980	L4 Đứt dây chấn gối trái
630	Hàn Phan Thanh Vũ 8/2/2001		3/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Hàn Thành Ngọc, 11/11/1976 Phan Thị Hồng Liên, 13/9/1978	cận 2 mắt, 2,5 độ
631	Lê Xuân Bình 1/2/2001		8/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Lê Tấn Chín, 3/1/1962 Đỗ Thị Thìn, 1/1/1976	5 viêm xoang hàm mạn tính, mất 3 răng sống
632	Nguyễn Văn Đạt 5/26/2001		7/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Cường, 20/02/1979 Nguyễn Thị Ngoan, 03/3/1978	6 cận loạn T: 1,25, P: 2,75
633	Trịnh Phi Khanh 1/3/2000		5/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Trịnh Thơm, 10/12/1964 Võ Thị Lễ, 01/02/1967	- 5 mạch, huyết áp - 5 viêm xoang mạn
634	Phan Văn Chí 12/21/2000		3/ Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Phan Tấn Hoanh, 10/4/1976 Thạch Thị Loan, 01/6/1978	L4 Cận 2,75 Đ

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
635	Phạm Thanh Trà 10/30/2006		27/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Soạn - 6/10/1985 Nguyễn Thị Bích Tâm - 26/04/1988	4 giãn tỉnh mạch tuần tĩnh năng
636	Nguyễn Quốc Vương 8/11/2006		28/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Hùng - 27/07/1979 Trần Thị Ngọc Bích -12/06/1980	4 viêm xoang mạn
637	Nguyễn Hoài Nam 6/22/2005		23/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Nguyễn cường, 03/02/1980 Lê Thị Kim Liên, 13/02/1982	6 cận loạn 2 mắt P: 6, T: 4,75 độ
638	Lê Quang Tâm 8/2/2005		30/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Lê Văn Tuấn, 15/8/1975 Ngô Thị Thủy, 10/10/1978	6 cân 7.5
639	Lê Quang Vinh 10/3/2005		29/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Thanh Trắc, 10/08/1978 Lê Thị Một, 8/10/1979	3 loạn 1.25
640	Võ Phùng Hoàng Phúc 10/19/2005		26/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11/12	Võ Bá Lộc, 7/5/1976 Phùng Thị Kim Quyên, 16/9/1983	lùn quá khổ 1m40
641	Bùi Thiên Trãi 3/6/2004		29/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Bùi Nhâm, 01/01/1965 Nguyễn Thị Ut, 10/8/1967	L4 Mất ngón chân P
642	Võ Anh Phong 5/14/2004		29/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Võ Văn Tích, 3/10/1967 Nguyễn Thị Liễu, 06/3/1972	5 co rút ngón tay trỏ P
643	Bùi Thiên Khải 7/16/2004		23/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Bùi Thiên Thế, 01/01/1970 Trần Thị Thiên, 31/8/1979	4 viêm xoang, loạn 1.5 độ
644	Nguyễn Quang Hưng 7/10/2004		23/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Đức Bảo, 07/5/1979 Nguyễn Thị Kim Hoa, 10/6/1982	5 BM 35,9
645	Nguyễn Anh Thuận 9/26/2003		26/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Quốc Khánh, 20/6/1980 Nguyễn Thị Bích Liên, 27/3/1982	sỏi mắt
	Nguyễn Kiên Phúc			Nông		Nguyễn Đức Túy, 12/12/1963	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần ban thân	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
646	4/22/2003		23/Thạch Thang/ Lân Phong	Phụ thuộc	07/12	Nguyễn Thị Hương, 01/9/1971	cận loạn 2 mắt 2,25 độ
				Kinh, không			
647	Nguyễn Hồng Chương		26/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông	09/12	Nguyễn Tèo, 03/8/1973	L4 Viên xoang hàm cấp
	3/8/2003			Phụ thuộc		Huỳnh Thị Liễu, 01/01/1973	khám 2024: 5 mạch, nhịp nhanh 154 lần
				Kinh, không			
648	Lê Hữu Phước		28/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông	09/12	Lê Kiên,	
	3/26/2003			Phụ thuộc		12/2/1973	4 chấn thương gối T
				Kinh, không		Nguyễn Thị Vương, 01/01/1981	ảnh hưởng vận động
649	Nguyễn Huỳnh Anh Tuyên		22/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Từ, 17/10/1966	
	10/31/2003			Phụ thuộc		Huỳnh Thị Mười, 10/01/1971	4 cận 3 độ
650	Nguyễn Đức Đại		24/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông	12/12	Nguyễn Đức Thanh, 15/12/1976	
	6/23/2002			Phụ thuộc		Phạm Thị Yên, 10/12/1976	5 cận 5 độ
				Kinh, không			
651	Đặng Thiều Quang		23/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông	09/12	Đặng Ngọc Danh, 10/7/1972	
	9/24/2002			Phụ thuộc		Thiều Thị Công, 01/01/1978	L6, hội chứng thận hư.
				Kinh, không			bệnh thận mãn tính
652	Nguyễn Lê Nhuận		24/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông	09/12	Nguyễn Tấn Phong, 10/9/1974	
	5/19/2002			Phụ thuộc		Ngô Thị Thiên Hường, 06/8/1976	L6 BMI=36.
				Kinh, không			
653	Phạm Quốc Bảo		29/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông	09/12	Phạm Thanh Sơn, 20/7/1982	
	11/7/2002			Phụ thuộc		Võ Thị Nương, 10/10/1977	Loại 6 BMI=35.
				Kinh, không			
	Đoàn Văn Cơ			Nông		Đoàn Văn Tạo, 05/5/1972	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
654	12/25/2002		30/Thạch Thang/ Lân Phong	Phụ thuộc	09/12	Nguyễn Thị Thu, 01/01/1973	6 bệnh vanh tim
655	Nguyễn Đình Chiến 3/2/2002		23/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐĐ	Nguyễn Đình Tư, 27/3/1970 Hồ Thị Kim Cúc, 26/4/1970	loại 6 cận 2 mắt
656	Phạm Ngọc Dân 9/2/2002		24/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐĐ	Phạm Vinh, 2/7/1970 Đặng Thị Thê, 5/10/1962	5 u vùng mũi xoang không nghỉ ngơi ác tính
657	Nguyễn Văn Trọng 11/20/2002		25/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Nguyễn Thanh Hải Nguyễn Thị Lệ, 10/02/1981	L4 hẹp thanh quản, dập 1 quả thận.
658	Bùi Thanh Đám 11/27/2002		23/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Bùi Thiên Huệ, 09/3/1975 Phạm Thị Mai, 6/26/1976	3 loạn 1.5
659	Nguyễn Lê Hoàng Tuấn 3/27/2002		23/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Hoàng Dũng, 17/10/1975 Nguyễn Thị Nữ, 08/10/1976	4 giãn tĩnh mạch thừng tĩnh
660	Đặng Quang Trường 2/23/2002		25/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Đặng Thanh Lương, 19/5/1971 Nguyễn Thị Tâm, 01/01/1973	4ttđoai Umao tĩnh hoàn
661	Lê Văn Mạnh 1/29/2002		25/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Lê Văn Tại, 18/3/1965 Nguyễn Thị Dự, 10/11/1969	4 cận 4 độ
662	Bùi Thanh Vinh 9/24/2002		26/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Bùi Bảo, 01/01/1969 Nguyễn Thị Thủy, 01/01/1971	2 cận 1,5 độ
663	Nguyễn Hữu Thăng 8/20/2001		24/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Đức Dũng, 10/10/1972 Phạm Thị Nam, 16/3/1975	5 viêm xoang, cận 1,75
	Bùi Thiên Vĩ			Nông		Bùi Thiên Thỏa, 06/11/1978	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
664	6/24/2001		24/Thạch Thang/ Lân Phong	Phụ thuộc	09/12	Phạm Thị Thúy Kiều, 09/8/1979	viêm xoang sàng mạn, trĩ ngoại nhiều búi
665	Nguyễn Quang Linh 3/21/2001		25/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	09/12	Nguyễn Sáu, 4/20/1974	L6 chiều cao 1,50m.
666	Lê Tiến Huy 10/20/2001		30/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Thị Phương, 01/01/1970 Lê Chi, 10/4/1963 (c) Bùi Thị Bế, 01/02/1965	6 thoát vị đĩa đệm
667	Nguyễn Tấn Thành 8/4/2001		28/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	11/12	Nguyễn Khôn Nguyễn Thị Hương	L6 Cận, loạn 2 mắt
668	Chê Thành Cảnh 7/25/2001		22/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12	Chê Thành Sơn, 10/10/1962 Nguyễn Thị Xanh, 17/8/1972	L4 Viêm xoang hàm mạn
669	Nguyễn Phát Tài 9/1/2001		24/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	09/12	Nguyễn Văn Chín, 18/02/1975 Võ Thị Lan,	L5 chiều cao
670	Võ Bá Thiện 7/7/2001		29/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12	Võ Bá Lư, 01/01/1977 Nguyễn Thị Ngọc Anh, 01/01/1976	loại 6 co rút bàn tay, chân trái
671	Nguyễn Hoài Ninh Khang 2/15/2001		22/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Văn Mèo, 18/4/1967 Trịnh Thị Duyên, 15/5/1972	5 ngón tay không có biến chứng, trĩ ngoại
672	Phạm Lê Duy Phương 8/19/2001		23/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	ĐH	Phạm Thơ, 10/7/1966 Lê Thị Thi Thơ, 25/4/1969	4 mạch, huyết áp 115 lần
673	Nguyễn Đăng Trường 3/11/2001		29/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Thanh Bình, 28/12/1975 Nguyễn Thị Em, 22/8/1976	5 mạch 133 lần/ phút
674	Bùi Thanh Thương 11/8/2001		25/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12	Bùi Thiên Tổng (c), 31/12/1968 Nguyễn Thị Ngu, 01/03/1970	5 mạch
	Võ Thiên Đạt Ngân			Nông		Võ Văn Nghị,	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
675	4/18/2001		29/Thạch Thang/ Lân Phong	Phụ thuộc	ĐH	6/12/1980	viêm xoang sàng mãn tính
676	Bùi Thiên Nhựt 5/20/2001		28/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12	Phạm Thị Phở, 08/10/1982 Bùi Văn Việt, 8/10/1975	Đơn vị trả về L2 HA
677	Nguyễn Thanh Tùng 4/6/2001		22/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	ĐH	Hồ Thị Phương, 28/12/1975 Nguyễn Phi Long, 05/6/1975 Nguyễn Thị Thu Sương, 10/10/1980	4mтт thất, thoát vị đĩa đệm
678	Nguyễn Đức Thắng 4/3/2001		28/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Minh Tấn, 26/9/1969 Bùi Thị Thủy, 07/10/1980	5gút, BM 33
679	Lê Duẩn 4/17/2000		22/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	ĐH	Lê Qua, 09/10/1970 Bùi Thị Loan, 11/6/1974	loạn 2 độ
680	Nguyễn Văn Luân 11/18/2000		29/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Văn Đầu, 03/6/1971 Bùi Thị Loan, 01/01/1972	loạn 1 độ
681	Lê Huỳnh Đức 3/18/2000		29/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	ĐH	Lê Đức Việt, 14/4/1978 Bùi Thị Kiều, 25/8/1979	loạn 2,5 độ
682	Nguyễn Hoàng Vũ 7/25/2000		22/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Tấn Lực, 20/12/1976 Nguyễn Thị Bích Nhung, 10/02/1979	viêm đa xoang
683	Lưu Đăng Khoa 7/1/2000		23/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	CĐ	Lưu Minh, 30/12/1971 Phan Thị Thanh Hải, 01/12/1975	U vùng xoang mũi
684	Nguyễn Thanh Trúc 4/20/2000		29/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	CĐ	Nguyễn Văn Lộc, 02/6/1976 Trần Thị Hồng, 20/01/1977	cận 3 độ (P)
685	Trần Tùng Lâm 5/8/1999		22/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	ĐH	Trần Minh Triết, 13/10/1973 Trương Thị Bình, 10/11/1976	2 mắt cận 3,5 độ
686	Lê Văn Tiến 6/3/1999		22/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	CĐ	Lê Tính, 17/5/1975 Trịnh Thị Kim Nga, 03/10/1980	L4 tri nhiều búi
	Nguyễn Lê Hoàng Thanh			Nông		Nguyễn Hoàng Dũng, 15/10/1975	16 cơn

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
687	7/20/1999		23/Thạch Thang/ Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Thị Nữ, 08/10/1976	Lơ Lơ, loạn
688	Văn Xuân Khang 10/13/1999		30/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Văn Xuân Phụng, 08/5/1959 Trần Thị Tĩnh, 05/8/1969	L 6 Cận 5 Độ
689	Phan Hoàng Nam 10/18/1999		26/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Phan Thanh Châu, 18/6/1975 Nguyễn Thị Dự, 10/9/1977	loạn 1,5 độ
690	Bùi Hoàng Giang 8/6/1999		28/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Bùi Quân, 1/1/1972 Phạm Thị Chiến, 16/08/1973	L6 cận 5 độ
691	Nguyễn Minh Sang 7/20/1999		24/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Sinh, 10/10/1969 Lê Thị Kim Thoa, 19/6/1976	L5 Loạn 4,5 độ
692	Phùng Thành Hưng 20/03/2005		37/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phùng Văn Oanh, 02/02/1982 Nguyễn Thị Nho, 01/01/1981	loại 3- 2 mắt cận 2,5 độ
693	Lê Quốc Chí 5/5/2004		32/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Văn Đông, 17/7/1976 Nguyễn Thị Truyền, 25/10/1976	Khám 2023: Loạn thị 3 độ
694	Phạm Xuân An 5/21/2004		32/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Xuân Quang, 12/02/1970 Trịnh Thị Ngọc, 20/06/1972	Khám 2023: loạn 1 độ
695	Nguyễn Văn Tĩnh 2/11/2003		31/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Hồng Tin, 12/11/1977 Nguyễn Thị Mùi, 12/12/1982	1 loạn 1,5
696	Phan Tân Khải 5/18/2003		31/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Phan Bức, 1/1/1972 Cao Thị Nhiên, 1/1/1982	4 viêm xoang, 4 răng
697	Phạm Thanh Hiền 2/6/2003		33/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Văn Tuất, 07/10/1969 Ngô Thị Nguyên, 16/11/1979	L2 HIA, chấn thương sọ não
698	Nguyễn Ngọc Huy 7/5/2002		34/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Ngọc Hằng, 21/11/1974 Phạm Thị Duyên,	5viêm xoang, căn 1.75
	Ngô Đỗ Xuân Trường		32/Văn Hà/	Nông		Ngô Nguyễn Thủy, 26/10/1977	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
699	11/16/2002		Lân Phong	Phụ thuộc	12/12	Đỗ Thị Hạnh, 20/01/1981	L4, bệnh tim bẩm sinh.
700	Nguyễn Hưng 3/27/2002		33/Văn Hà/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12/12	Nguyễn Văn Hải, 02/12/1978 Nguyễn Thị Hương, 02/11/1982	2 mắt loạn thị.
701	Trần Ngọc Bảo 4/16/2002		33/Văn Hà/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Trần Ngọc Hưng, 05/6/1978	1m54
702	Nguyễn Tấn Kiệt 10/8/2002		35/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	12/12	Nguyễn Bảng, 02/6/1970 Võ Thị Hà, 01/01/1973	Mạch + HA Khám 2023:
703	Nguyễn Nguyên Duy Khánh 2/14/2002		33/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Thành Dũng, 05/11/1979 Nguyễn Thị Bích Ba, 20/01/1979	L4 Pô Lốp xoang hàm P đơn vị trả về lý do Sùi mào gà
704	Phan Đình Vũ 2/3/2001		34/Văn Hà/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Phan Thọ, 03/10/1965 Phạm Thị Cúc, 30/12/1971	6 bệnh vánh tim
705	Nguyễn Hà Văn Quang 10/8/2001		36/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Văn Tịnh, 04/6/1964 Trần Thị Hiếu, 3/10/1974	loại 4 cận 3,5 độ
706	Phạm Tấn Quốc Thiện 9/26/2001		33/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Tấn Thảo (c), 13/10/1977 Trần Thị Huê, 01/02/1979	Đơn vị trả về L3 chấn thương
707	Nguyễn Phạm Hữu Được 1/1/2001		35/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Nguyễn Vững, 6/26/1957 Phạm Thị Đoàn, 01/01/1962	L4 Cận 3 độ
708	Phạm Ngọc Thông 5/18/2001		35/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Thị Hà, 15/9/1980	L3 BMT=32 Viêm xoang sàng

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
709	Lê Bảo Tinh		33/Văn Hà/	Nông	09/12	Lê Văn Thái, 01/01/1966	u sụn bảm
	11/29/2001		Lân Phong	Phụ thuộc		Phạm Thị Tiết, 01/01/1969	dây
				Kinh, không			chẳng từ
710	Nguyễn Hữu Chiến		35/Văn Hà/	Nông	09/12	Nguyễn Cứ, 24/9/1965	đầu đui
	12/12/2001		Lân Phong	Phụ thuộc		Trần Thị Hương, 10/3/1967	chân phải
				Kinh, không			
711	Đỗ Văn Quyền		36/Văn Hà/	Nông	09/12	Đỗ Mỹ, 20/11/1960	Tai nạn lao
	11/6/2001		Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Bảy, 06/9/1957	động 2016
				Kinh, không			cụt ngón trỏ
712	Nguyễn Văn Chuẩn		37/Văn Hà/	Nông	CĐ	Nguyễn Tùng, 03/01/1976	
	7/30/2001		Lân Phong	Phụ thuộc		Phạm Thị Hồng Liên, 26/11/1978	5 BM 35.6
				Kinh, không			
713	Nguyễn Duy Linh		37/Văn Hà/	Nông	CĐ	Nguyễn Văn Thọ, 20/10/1972	
	2/17/2000		Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Chín, 20/10/1971	Loạn 1,25
				Kinh, không			độ, hở van
714	Đỗ Thanh Nam		33/Văn Hà/	Nông	ĐH	Đỗ Văn Thứ, 15/5/1962	tim
	10/4/2000		Lân Phong	Phụ thuộc		Lê Thị Nhẫn, 12/4/1968	cận 2 mắt,
				Kinh, không			T 2 độ, P
715	Phạm Tuấn Đạt		32/Văn Hà/	Nông	ĐH		3,5 độ
	7/25/2000		Lân Phong	Phụ thuộc		Đặng Thị Thúy, 12/4/1974	2 cận 2,25
				Kinh, không			độ
716	Lê Lâm Quy		31/Văn Hà/	Nông	CĐ	Lê Tấn Dư,	
	4/25/2000		Lân Phong	Phụ thuộc		1/16/1970	L3 Cận 3
				Kinh, không		Lâm Thị Ba, 20/11/1971	độ
717	Nguyễn Hồng Phát		33/Văn Hà/	Nông	ĐH	Nguyễn Hồng Cơ, 20/10/1973	
	12/14/1999		Lân Phong	Phụ thuộc		Huỳnh Thị Thu Thanh, 10/02/1979	loạn 2 độ
				Kinh, không			
718	Nguyễn Việt Thanh		37/Văn Hà/	Nông	ĐH		
	8/27/1999		Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Màu, 16/8/1968	loạn 2 độ
				Kinh, không			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
719	Nguyễn Mạnh Tân		15/Châu Me/	Nông		Nguyễn Mạnh Nguyên - 06/10/1968	DVL năm 2025: 5h.a15/7;
	12/1/2006		Lân Phong	Phụ thuộc	12/12	Nguyễn Thị Đầy - 01/01/1968	co rút ngón 5 b.tay
				Kinh, không			
720	Phạm Văn Long		20/Châu Me/	Nông		Phạm Văn Lầu - 26/09/1975	3 mắt trái ánh sáng
	7/18/2006		Lân Phong	Phụ thuộc	12/12	Hồ Thị Mỹ Ngân - 17/07/1982	
721	Nguyễn Lê Anh Khôi		20/Châu Me/	Nông		Nguyễn Phước Lâm - 17/11/1980	mắt Phải 3/10
	12/5/2006		Lân Phong	Phụ thuộc	09/12	Lê Thị Kiều Linh -28/06/1980	
722	Phạm Quân Bảo		15/Châu Me/	Nông		Phạm Minh Hùng - 19/04/1967	4 Bm 15
	9/12/2006		Lân Phong	Phụ thuộc	12/12	Lê Thị Kim Lành - 12/02/1971	
723	Bùi Văn Giáp		17/Châu Me/	Nông		Bùi Ánh, 05/7/1971	
	13/10/2005		Lân Phong	Phụ thuộc	12/12	Nguyễn Thị Cường, 15/3/1972	4 viêm xoang mãn tính
				Kinh, không			dày niêm mạc xoang hàm
724	Bùi Văn Quý		20/Châu Me/	Nông		Bùi Sướng, 05/10/1973	5 bướu giáp, viêm xoang
	5/26/2004		Lân Phong	Phụ thuộc	12/12	Võ Thị Dương, 08/02/1974	
725	Phan Thanh Vân		15/Châu Me/	Nông		Phan Thanh Hùng, 14/8/1982	L4 Cận 2,5 độ
	2/21/2004		Lân Phong	Phụ thuộc	12/12	Đỗ Thị Thu Hương, 19/9/1971	
726	Phạm Trung Kiên		19/Châu Me/	Nông		Phạm Trung Đoàn, 9/9/1974	L4 (Balec nhánh phải hoàn toàn)
	11/28/2004		Lân Phong	Phụ thuộc	12/12	Nguyễn Thị Thu Nguyệt, 15/12/1977	
727	Nguyễn Ngọc Lễ		21/Châu Me/	Nông		Nguyễn Ngọc Hùng, 1978	4 thoát vị đĩa đệm,gai đôi
	10/16/2003		Lân Phong	Phụ thuộc	CD	Nguyễn Thị Huệ, 1982	
728	Trương Quang Thỉnh		18/Châu Me/	Nông		Trương Quang Linh, 02/6/1972	5 viêm xoang mạn
	5/13/2003		Lân Phong	Phụ thuộc	CD	Lê Thị Thu Xuân, 01/4/1977	
	Phan Bùi Anh Kiệt		18/Châu Me/	Nông		Phan Hoàng,	4

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
729	3/3/2003		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	CD	4/1/1968 Bùi Thị Hoa, 20/10/1971	Bm16.1,cận 2,75 độ
730	Võ Anh Thái 12/3/2003		19/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Võ Thanh Tuấn, 29/10/1975 Nguyễn Thị Linh, 04/4/1980	5 cận 5,5
731	Phan Tuấn Anh 2/2/2003		17/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phan Tài, 08/02/1969 Đoàn Thị Thanh Hoá, 31/12/1974	L5 Gai cột sống
732	Phạm Lân 5/22/2003		21/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Nhơn, 1978 Nguyễn Thị Hải, 1980	loạn 2,5 độ
733	Nguyễn Hồ Thiên Hiếu 1/14/2003		17/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Thị Hạnh, 20/7/1977	L6 Cận 7 độ
734	Trình Văn Quân 9/9/2003		20/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trình Văn Tư, 1979 Lê Thị Hạnh, 10/9/1983	: L6 Cận loạn 2 mắt
735	Lương Ngọc Phú 10/31/2002		15/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Lương Năng, 04/12/1979 Phạm Thị Ny An, 06/9/1982	4 cận 4.5 độ
736	Nguyễn Cao Bá Vương 4/30/2002		15/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Cao Thị Tường, 20/11/1978	2 cận 2,25 độ
737	Phan Văn Công 4/30/2002		16/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Phan Tám, 10/8/1964 Trương Thị Kim Nhỏ, 09/02/1968	5 viêm xoang, gai đôi s1
738	Võ Quyết Đạt 11/2/2002		18/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Võ Đây, 10/3/1968 Thân Thị Kim Sương, 10/4/1967	2 cận 2 độ
739	Phạm Ngọc Đại 9/19/2002		18/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Phạm Cho, 10/4/1965 Trần Thị Ngọc Thùy, 22/02/1969	- 5 Hẹp phế quản
740	Nguyễn Hoàng Quân 9/10/2002		17/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Văn Qua, 10/01/1964 Đỗ Thị Thanh Thuý, 14/6/1969	- 4 viêm xoang hàm
	Võ Tấn Đạt		18/Châu Me/	Nông		Võ Mạo,	loạn 0,75 độ

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
741	3/26/2002		Lân Phong	Phụ thuộc	CD	10/10/1975	4 Viêm xoang hàm mãn tính
				Kinh, không		Lê Thị Mỹ Ly, 03/5/1983	
742	Huỳnh Đức Thiện 2/9/2002		21/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	09/12	Nguyễn Thị Cẩm Tú, 20/02/1966	bệnh thận mãn tính
				Kinh, không			
743	Nguyễn Thanh Lương 7/9/2002		21/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	12/12	Nguyễn Thanh Liêm, 03/02/1969 Lê Thị Xuân Hương, 30/11/1967	2 mắt cận 2 độ
				Kinh, không			
744	Nguyễn Minh Điền 10/2/2002		17/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	CD	Nguyễn Văn Chiến, 19/9/1969 Nguyễn Thị Hiệu, 02/4/1976	2 mắt cận 6 độ
				Kinh, không			
745	Lương Gia Huy 2/3/2002		17/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	CD	Lương Công Quang, 06/02/1976 Trần Thị Xuân Thùy, 23/4/1979	6 cận 2 mắt T: 5,5, p:4,5
				Kinh, không			
746	Phan Thanh Sơn 4/25/2002		19/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	CD	Phan Đức, 07/3/1974 Phạm Thị Hồng, 10/12/1975	khám 2024: 4 mắt sức nhai 52%
				Kinh, không			
747	Phạm Dương 3/8/2002		18/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	09/12	Phạm Luân, 27/7/1968 Nguyễn Thị Hợp, 03/9/1969	L5, 2 mắt cận loạn
				Kinh, không			
748	Phan Trương Đăng Khoa 9/22/2002		18/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	12/12	Phan Thương, 02/04/1967 Trương Thị Kim Liên, 02/05/1967	BMI = 33 năm 2023 tai nạn bị dây thần kinh số 7
				Kinh, không			
749	Nguyễn Tân Phúc Hậu 9/25/2001		18/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Tân Cường, 27/10/1972 Nguyễn Thị Lệ, 01/01/1976	5 gãy xương chân lệch
				Kinh, không			
750	Phạm Minh Trí 10/3/2001		15/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	ĐH	Phạm Minh Hoàng, 25/8/1971 Nguyễn Thị Kiều, 25/12/1974	ở mắt; r 5,50, T 1, 15 độ; 5
				Kinh, không			
751	Lương Gia Bảo 11/26/2001		15/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	CD	Lương Văn Lục, 10/12/1972 Nguyễn Thị Ly, 1977	LS xương cấp tính: đã phẫu thuật

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
752	Phạm Minh Phát 4/28/2001		15/Châu Me/ Lân Phong	Kinh, không	ĐH	Phạm Minh Việt, 25/3/1973	phẫu thuật
				Nông		Đinh Thị Phương Dung, 30/12/1978	5 viêm xoang sàng 2 bên
				Phụ thuộc			
753	Lê Văn Mạnh 10/7/2001		16/Châu Me/ Lân Phong	Kinh, không	ĐH	Lê Văn Quý, 23/3/1976	
				Nông		Nguyễn Thị Bé, 12/10/1977	6 cận loạn 2 mắt 1,75
				Phụ thuộc			
754	Phạm Bá Vương 7/17/2001		17/Châu Me/ Lân Phong	Kinh, không	ĐH	Phạm Sơn,	
				Nông		10/12/1971	loạn 2,5 độ
				Phụ thuộc			
755	Bùi Quang Huy 1/24/2001		18/Châu Me/ Lân Phong	Kinh, không	ĐH	Lê Thị Như Bích, 11/11/1971	
				Nông		Bùi Mai, 05/6/1976	
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Hiệp, 20/06/1976	loạn 2,5 độ
756	Nguyễn Mai Lâm 9/30/2001		18/Châu Me/ Lân Phong	Kinh, không	09/12	Nguyễn Mai Cường, 12/12/1976	
				Nông		Nguyễn Thị Thu Hương, 14/4/1978	L4, chấn thương gối P lệch trục
				Phụ thuộc			ảnh hưởng vận động
757	Nguyễn Tấn Tịnh 1/21/2001		21/Châu Me/ Lân Phong	Kinh, không	ĐH	Nguyễn Tấn Hào, 30/10/1972	
				Nông		Bùi Thị Thanh, 25/02/1977	loại 4 trí hỗn hợp nhiều búi
				Phụ thuộc			
758	Trương Quang Đạt 2/2/2001		18/Châu Me/ Lân Phong	Kinh, không	ĐH	Trương Quang Triết, 21/01/1973	
				Nông		Nguyễn Thị Cẩm Nhung, 13/02/1975	loạn 3,75 độ
				Phụ thuộc			
759	Trịnh Duy Khánh 12/19/2001		17/Châu Me/ Lân Phong	Kinh, không	12/12	Trịnh Quan,	L4 viêm dày mãn tính, cận
				Nông		10/5/1975	loạn 3,75 đ
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Nguyệt, 19/11/1973	
760	Nguyễn Văn Ngân 4/3/2001		21/Châu Me/ Lân Phong	Kinh, không	CĐ	Nguyễn Ut,	
				Nông		1/1/1976	L4 Viêm xoang mãn tính
				Phụ thuộc		Bùi Thị Tâm , 01/01/1978	
761	Huỳnh Trung Quyết 3/24/2001		17/Châu Me/ Lân Phong	Kinh, không	CĐ	Lê Thị Chí,	
				Nông		8/8/1974	L4 Cận 2,5 độ
				Phụ thuộc			
762	Nguyễn Thanh Tiến 3/26/2001		21/Châu Me/ Lân Phong	Kinh, không	09/12	Nguyễn Thanh Tài, 10/10/1972	
				Nông		Phan Thị Hòa, 01/01/1973	6 loạn thị

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
763	Lương Ngọc Huy 9/4/2001		15/Châu Me/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Lương Siêng, 2/6/1975 Lưu Thị Quá, 1/1/1971	viêm xoang mãng tính và L4 huyết áp.
	Nguyễn Văn Thiện 3/21/2001		21/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	09/12	Nguyễn Thịnh, 12/02/1968 Huỳnh Thị Tuyết, 01/01/1964	Lùn quá khô 1m40
	Trương Quang Đạt 5/27/2000		18/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Trương Cư, 02/5/1968 Trần Thị Nỗi, 05/10/1971	5 cận 4.5 độ
766	Phan Văn Quan 1/5/2000		18/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Phan Văn Thanh, 02/01/1978 Nguyễn Thị Kim Cúc,	: L6 Cận, loạn 2 mắt
767	Nguyễn Hoàng Nhi 3/3/2000		18/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Văn Quảng, 10/12/1966 Nguyễn Thị Thanh Kế, 20/7/1969	: L4 Cận 1,5 Đ, Loạn, trĩ
	Đoàn Chí Quyền 7/5/2000		18/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Đoàn Văn Quý (c) Trần Thị Nga, 10/10/1975	loạn 1,5 độ
	Phan Ngọc Điệp 12/1/2000		18/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Phan Ít, 11/21/1969 Đặng Thị Thúy, 06/9/1972	L5 Viêm xoang khám 2024: viêm xoang hàm , xoang sàng mạn tính
770	Phan Văn Vũ 5/5/2000		18/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Phan Đình Thư, 20/6/1975 Phạm Thị Dư, 11/11/1975	loại 4 viêm gan mạn tính
771	Phạm Minh Hiếu 7/6/1999		21/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Phạm Minh Bích, 25/01/1979 Nguyễn Thị Thiên Đình, 30/5/1979	5 viêm xoang hàm mạn 2 bên
	Huỳnh Thanh Thoại		15/Châu Me/	Nông		Huỳnh Văn Thanh, 02/9/1971	L6 Cận 5

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
772	10/12/1999		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Ngô Thị Ngọc Quyên, 05/01/1977	L 5 Cận độ, loạn
773	Nguyễn Văn Triều 10/6/1999		16/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Văn Cò, 12/8/1971 Trần Thị Bé, 23/5/1973	L 6 Cận, loạn
774	Phạm Lê Như Bách 10/16/1999		15/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Phạm Minh Đức, 19/3/1967 Lê Thị Kim Cúc, 10/5/1971	2 mắt cận loạn, 2,75 độ
775	Nguyễn Lê Nhật Phong 6/30/1999		19/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Ảnh, 11/8/1974 Lê Thị Ổ, 12/8/1978	trên ngoài nhiều búi, gãy xương cổ tay trái
776	Lê Hoài Võ 30.12.2001		5 / Tú Sơn 1 / Lân Phong	Nông Tự lập Kinh, không	11/12	Lê Thị Bé 1969	Mẹ tật nguyên không còn khả năng lao động, TN lao động chính nuôi mẹ mẹ chỉ có 1 người con, không còn cha
777	Lê Văn Phong 26.05.2007		10. Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Tự lập Kinh, không	11/01	Lê Thị Lượng 1975	Mẹ bị bệnh không còn khả năng lao động, TN lao động chính nuôi mẹ mẹ chỉ có 1 người con, không còn cha

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
778	Trần Huỳnh Nhật Minh		13b.Tú Sơn 2. Lâm Phong	Nông	CĐ	Trần Thị Đại	Mẹ bệnh không còn khả năng lao động, TN lao động chính nuôi mẹ
	3.12.2004			Tự lập		8.10.1965	mẹ chỉ có 1 người con, không có cha 0359140161
				Kinh, không			Mẹ:0848516152
779	Nguyễn Ngọc Tỏ		12/ Tú Sơn 2/ Lâm Phong	Nông	12/12	Nguyễn Thị Hạnh	Mẹ thương binh ¾ không còn khả năng lao động, TN lao động chính nuôi mẹ
	01.01.2006			Tự lập			mẹ chỉ có 1 người con, không còn cha
				Kinh, không			
780	Hoàng Trung Hòa		12 / Tú Sơn 2/ Lâm Phong	Nông	08/12	Lê Thị Kiều	Mẹ bị bệnh không còn khả năng lao động, TN lao động chính nuôi mẹ
	30.4.2001			Tự lập		1965	mẹ chỉ có 1 người con, không còn cha

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
781	Phạm Quốc Bảo		21/Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Kinh, không		Phạm Thị Hân	Mẹ tật nguyên không còn khả năng lao động, TN lao động chính nuôi mẹ
	15.12.2006			Tự lập	12/12		mẹ chỉ có 1 người con, không cha
				Kinh, không			
782	Nguyễn Trung Tín		19b /Thạch Trụ Tây/ Phong Lân	Nông	09/12	Nguyễn Thị Đồi	Mẹ tật nguyên không còn khả năng lao động, TN lao động chính nuôi mẹ
	18.08.2005			Tự lập			mẹ chỉ có 1 người con, không còn cha
				Kinh, không			
783	Trịnh Ngọc Khiêm		9/Lâm Thượng/	Nông	11/12	Trịnh Định, 01/01/1970	Mẹ chết sớm, Cha đau gan,
	11/17/2001		Lân Phong	Tự lập			có giấy xét nghiệm vi rút C
				Kinh, không			TN lao động chính

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	80. -Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
784	Trương Phan Hoài Bảo		9/Lâm Thượng/	Nông	12/12	Trương Văn Thủy, 19/5/1970	Cha bị thần kinh, mẹ và anh bỏ đi, bản thân nuôi cha và bà nội
	2/20/2001		Lân Phong	Tự lập		Phan Thị Nguyệt, 01/01/1978	TN lao động chính
				Kinh, không		s	
785	Nguyễn Tiến Hoàng		KDC 11/ Lâm Thượng/	Nông	11/12	Nguyễn Tiến Vịnh, 20/4/1958	Mẹ đau ung thư, chị bị bệnh đao (có sổ BTXH)
	10/18/2001		Lân Phong	Tự lập		Nguyễn Thị Tạng, 06/6/1966	TN lao động chính
				Kinh, không			
786	Nguyễn Huy		KDC 27/Thạch Thang/	Nông	12/12	Nguyễn Thị Ba, 02/9/1964	Lao động duy nhất nuôi mẹ già yếu không còn khả năng lao động
	6/20/2003		Lân Phong	Tự lập			TN lao động chính
				Kinh, không			
787	Nguyễn Hồ Hữu Thắng		24/Thạch Thang/	Nông	12/12	Nguyễn Văn Nguyệt, 01/01/1967	Cha tai biến
	10/20/2003		Lân Phong	Tự lập		Hồ Thị Được, 19/6/1971	Mẹ thường xuyên đau ốm
				Kinh, không			TN lao động chính

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	81 -Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
788	Nguyễn Tổng Duy Tuấn		KDC 19/ Châu Me/	Hưu trí	09/12		Lao động duy nhất nuôi mẹ già yếu không còn khả năng lao động
	4/17/2002		Lân Phong	Tự lập		Nguyễn Thị Cẩm, 16/10/1952	TN lao động chính
				Kinh, không			
789	Võ Thành Đức		29/Thạch Thang/	Nông	09/12	Võ Văn Được, 01/01/1980	Cha đui, mẹ dị tật đang hưởng chế độ bảo trợ xã hội theo QĐ số 7810/QĐ-UBND, ngày 04/9/2021
	10/12/2001		Lân Phong	Tự lập		Lê Thị Quyên, 30/6/1979	TN lao động chính
				Kinh, không			
790	Đặng Tuấn Tài 21.01.2007		21/Thạch Trụ Đông/ Phong	Lân Nông Phụ thuộc	12/12	Đặng Văn Đây 1979	Cư dân Đặng Tuấn Tài Thành nhập ngũ năm 2000
791	Võ Minh Thức 10/27/2002		23/Thạch Thang, Lân Phong	Nông Phụ thuộc	12/12	Lê Thị Hoan 1985 Võ Văn Khương, 20/5/1975 Nguyễn Thị Thìn, 17/6/1976	Em Võ Tuấn Công 2000, nhập ngũ năm 2024
792	Võ Ngọc Triết 4/17/2001		21/Châu Me, Lân Phong	Nông Phụ thuộc	09/12	Võ Văn Ôn, 12/25/1969 Bùi Thị Kim Anh, 07/09/1970	Hoàng Trọng nhập ngũ năm 2024
793	Trần Đức Tân 8/24/2003		18/Châu Me, Lân Phong	Nông Phụ thuộc	12/12	Trần Tân Phúc, 7/13/1980 Đỗ Thị Liễu, 9/2/1979	Em Trần Đức Lượng nhập ngũ năm 2024
				Kinh, không			
	Bùi Vũ Duy		17/Châu Me,	Nông		Bùi Dân,	Em

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần ban thân	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
794	6/7/2003		Lân Phong	Phụ thuộc	CD	3/12/1970	Bùi Duy Khánh ngũ 2024
				Kinh, không		Nguyễn Thị Phương, 10/10/1973	
795	Trần Duy Long 4/25/2004		17/Châu Me, Lân Phong	Nông Phụ thuộc	12/12	Trần Đình Văn, 5/19/1970	Trần Duy Long nhập ngũ 2024
				Kinh, không		Lê Thị Khánh Ly, 26/10/1979	
796	Nguyễn Thành Lộc 01.09.2006		14/Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	09/12	Nguyễn Thành Nguyễn Thị Vân	Bị xử lý vi phạm hành chính 5 lần
				Kinh, không		Vô Lợi 1/1/1974	Đang chấp hành án phạt tù 4 năm về tội
797	Vô Quý Trường 5/5/2003		21 /Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	09/12	Đỗ Thị Kim Hạnh 16/12/1975	Đang chấp hành án phạt tù 7 năm về tội
				Kinh, không		Nguyễn Bung Trần Thị Tuyết Vương	Đang chấp hành án phạt tù 1 năm về tội
798	Nguyễn Dương 4/8/2003		22 /Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	12/12		Đang chấp hành án phạt tù 1 năm về tội
				Kinh, không		Lê Duy Khang Nguyễn Thị Thảo	Đang chấp hành an
799	Lê Nguyễn Duy Ân 15.10.2006		15/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	09/12		Đang chấp hành an
				Kinh, không		Đỗ Văn An 10/4/1972	treo tội cố ý
800	Đỗ Minh Quyết 16.01.2005		15/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	09/12	Nguyễn Thị Hà	Đang chấp hành an
				Kinh, không		Nguyễn Thanh Lân 2/26/1972	án phạt tù 9 tháng cố ý
801	Nguyễn Huỳnh Thanh Nghĩa 14.10.2005		15,/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	09/12	Huỳnh Thị Kim Loan 11/20/1974	gây thương tích và sa thải
				Kinh, không		Lê Văn Tươi 2.10.1956	Vi phạm bị giam ở TPHCM
802	Lê Lâm Văn Quý 12.7.2004		16/ Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	CD	Nguyễn Thị Lang 6.4.1958	
				Kinh, không		Trần Quốc Tuấn	Năm 2022, tai nạn
803	Trần Quốc Thái 12/12/2003		Lâm Thượng, Lân Phong	Nông Phụ thuộc	10/12	, 05/9/1971	gây chết người
				Kinh, không		Huỳnh Thị Tuyết Anh, 12/3/1973	
804	Lê Quốc Bảo 02.11.2006		13b Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	06/12	Lê Thị Phụng	
				Kinh, không		Trần Xuân Trung	
	Trần Xuân Trục			Nông			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	83 -Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
805	15.09.2003		13B/Tú Sơn 2, Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	06/12	10/10/1982 Võ Thị Mến 4/19/1984	
806	Lữ Thanh Toàn 08.05.2006		20/Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	06/12	Lữ Thục Nguyễn Thị Em	
807	Phạm Ngọc Bảo 29.1.2004		21 /Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	06/12	Phạm Sáu 3.3.1976 Nguyễn Thị Thuỳên 20.10.1982	
808	Lữ Văn Mãnh 22.2.2004		24/Thạch Trụ Đông/ Phong Lân	Nông Phụ thuộc Kinh, không	06/12	Lữ Thiết 10.3.1968 Nguyễn Thị Phước 5.7.1967	
809	Đinh Tuấn Kiệt 24.12.2004		21/ Thạch Trụ Đông	Nông Phụ thuộc Kinh, không	06/12	Đinh Hữu Nghị Lâm Thị Hương	
810	Nguyễn Đức Hữu 1.1.2004		22/ Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	05/12	Nguyễn Cườm 10.4.1971 Huỳnh Thị Kim Huệ 20.5.1973	
811	Phạm Ngọc Vương 23.10.2003		21/Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	06/12	Phạm Ngọc Hùng Phạm Thị Hải	
812	Lê Trung Hậu 10.2.2003		23/ Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	06/12	Lê Lượng 5/2/1972 Trương Thị Lê 3/8/1973	
813	Nguyễn Đình Phổ 1.1.2003		22/ Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	06/12	Nguyễn Đình Thống 8/13/1969 Mai Thị Sư 10/10/1973	
814	Nguyễn Đình Lạc 4/17/2003		22 /Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	06/12	Nguyễn Đình Lục 8/10/1976 Tả Thị Kim Chung 8/16/1979	
815	Nguyễn Vĩ 4.7.2003		24/ Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	06/12	Võ Thị Mỹ Chi 8/3/1980	
816	Nguyễn Mậu Triển 08.2.2002		23/ Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	06/12	Nguyễn Mậu Niềm 11.11.1969	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	84 -Thành phần gia đình -Thành phần ban thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ (Chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
816			23/Thạch Trụ Đông/ Lâm Phong	Kinh, không	06/12	Châu Thị Phương 10.01.1971	
817	Nguyễn Anh Duy 12.6.2001		21/Thạch Trụ Đông/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	04/12	Nguyễn Thị Dư	
818	Nguyễn Văn Tài 9/10/2005		11/Lâm Thượng/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	06/12	Nguyễn Cang Nguyễn Thị Cúc	Học Trung học sơ cơ Đoàn Thị Điểm
819	Huỳnh Minh Quang 12/17/2001		11/Lâm Thượng/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	05/12	Huỳnh Minh Lam, 10/20/1970 Trần Thị Liễu	trước đây học và Trung học Phổ thông
820	Huỳnh Võ Minh Thuận 9/9/2005		08/Lâm Hạ/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	06/12	Huỳnh Thanh Cường, 1/10/1979 Võ Thị Thanh Diệu, 2/27/1981	THCS Lâm Phong nghỉ học năm 2017
821	Huỳnh Văn Tài 3/5/2003		24/Thạch Thang/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	06/12	Huỳnh Mười, 01/01/1973 (c) Huỳnh Thị Kim Nào, 1/1/1975	trước đây THCS Lâm Phong nghỉ học năm 2015
822	Nguyễn Công Lý 3/4/2004		24/Thạch Thang/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	06/12	Nguyễn Thị Ôn, 10/31/1968	trước đây THCS Lâm Phong nghỉ học năm 2015
823	Trương Công Quý 9/20/2005		Văn Hà, Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	03/12	Trương Hồng Sang, 4/13/1971 Nguyễn Thị Thanh Nhung, 10/7/1982	Trường Tiểu học Lâm Phong 2014
824	Nguyễn Phi Quý Thiên 8/8/2006		35/Văn Hà/ Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	06/12	Nguyễn Phi Trường – 2/2/1986 Lương Thị Mỹ Hóa – 2/20/1984	trước đây THCS Vĩnh Lộc nghỉ học năm 2018
825	Trương Quang Toàn 6/2/2006		Châu Me, Lâm Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	05/12	Trương Pho – 12/10/1978 Nguyễn Thị Hồng Mai – 7/5/1978	trước đây TH Lâm Phong nghỉ học năm 2017